

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MERUFA**

Số: 007./CBTT-CT

V/v CBTT Thư mời và tài liệu họp
ĐHDCĐ thường niên năm 2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2023

- Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.**
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Quý Cổ đông.

Công ty Cổ phần MERUFA

Trụ sở chính: Văn phòng số 38 Trương Quốc Dung, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp.HCM.

Địa chỉ liên lạc: C64/II đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh.

Mã chứng khoán: MRF.

Điện thoại: (84.28) 3765.4160

Fax: (84.28) 3765.4161

Người thực hiện công bố thông tin: K' HUỆ

Địa chỉ: C64/II Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh.

Điện thoại di động: 0349.775.503

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố: *Thư mời họp và CBTT tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023*

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn:
<http://www.merufa.com.vn/chuyen-muc/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



LƯU TIỀN CẢO

Thủ tục Đăng ký dự Đại hội:

Các cổ đông **đến dự họp** xin điền vào mẫu “GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ ĐHĐCĐ” gửi kèm theo thư mời hoặc tải về trên website Công ty và gửi lại cho Công ty bằng email/ Fax/ hoặc gửi thư cho Công ty theo địa chỉ Nhà máy.

Các cổ đông **không thể đến dự họp**, xin điền vào mẫu “GIẤY ỦY QUYỀN DỰ ĐHĐCĐ” gửi kèm theo thư mời hoặc tải về trên website Công ty và gửi lại Công ty bằng email/Fax/ hoặc gửi thư cho Công ty theo địa chỉ ở Nhà máy.

Thời gian gửi “GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ ĐHĐCĐ” hoặc “GIẤY ỦY QUYỀN DỰ ĐHĐCĐ” đến Công ty chậm nhất là 16 giờ 00 ngày 21/04/2023.

Ghi chú:

- Mọi thắc mắc, xin Quý vị Cổ đông liên hệ: Phòng Tổ chức - Hành chính (SĐT: 028.37654160, Email: merufa@merufa.vn).
- Khi đến dự Đại hội, đề nghị các cổ đông mang theo Thư mời và Giấy CMND, giấy ủy quyền (nếu có).
- Cổ đông tìm hiểu các tài liệu liên quan đến Đại hội đồng cổ đông xin truy cập vào địa chỉ website: <http://www.merufa.com.vn> để xem nội dung chi tiết.



SINCE 1987

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, P.8, Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh
FAC: C64/II, đường số 8 - KCN Vĩnh Lộc - Bình Chánh - HCM
Tel: (84-28).3765 4160 - Fax: (84-28).3765 4161
Website: www.merufa.com.vn – Email: merufa@merufa.vn



THƯ MỜI

**THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA
NĂM 2023**

TP.HCM, ngày 22 tháng 04 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Trân trọng kính mời

Quý Cổ đông Công ty Cổ phần MERUFA

Đến dự:

Cuộc họp Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2023 Của Công ty Cổ phần MERUFA

Thời gian: vào lúc 8 giờ 00, thứ Bảy ngày 22/04/2023

Địa điểm: Văn phòng Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc (Hội Trường, lầu 5)
Số A59/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B,
Quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

Thành phần tham dự Đại hội: Tất cả các cổ đông sở hữu từ 01 CP trở lên có quyền biểu quyết hoặc đại diện sở hữu từ 01 CP trở lên, theo danh sách cổ đông được Công ty chốt vào ngày 24/03/2023.

*Sự hiện diện của Quý cổ đông sẽ góp phần vào thành công của Đại hội.
Rất mong Quý cổ đông thu xếp tham dự Đại hội.
Trân trọng!*



Ks. Vũ Văn Minh

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

SINCE 1987

THỜI
GIAN

NỘI DUNG

8 ^h 00 - 8 ^h 30	A. Đón khách và đăng ký Cổ đông
8 ^h 30 - 8 ^h 40	B. Thủ tục bắt đầu khai mạc Đại hội: 1. Khai mạc, giới thiệu đại biểu 2. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông 3. Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Đoàn thư ký
8 ^h 40 - 8 ^h 50	C. Thông qua chương trình Đại hội. (Biểu quyết) Đọc quy chế tổ chức ĐHĐCĐ Merufa; xin ý kiến và biểu quyết thông qua
8 ^h 50 - 9 ^h 30	D. Trình bày và xin ý kiến cổ đông các vấn đề sau: 1. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2022 và kế hoạch năm 2023. 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc năm 2022 và kế hoạch năm 2023. 3. Báo cáo quyết toán tài chính của công ty năm 2022 (đã kiểm toán). 4. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 và KH 2023 của Ban kiểm soát. 5. Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 6. Báo cáo tiến độ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%), phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu (70%) và chuyển sản giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX
9 ^h 30-10 ^h 00	Đại hội thảo luận các nội dung báo cáo HĐQT, báo cáo Ban TGD, báo cáo Ban kiểm soát.
10 ^h 00-10 ^h 10	Giải lao
10 ^h 10-10 ^h 40	E. Thông qua các Tờ trình bao gồm: 1. Tờ trình thông qua các Báo cáo của HĐQT, TGD. 2. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính 2022 đã kiểm toán. 3. Tờ trình phân phối lợi nhuận chi trả cổ tức năm 2022. 4. Tờ trình thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2023. 5. Tờ trình của Ban kiểm soát về Báo cáo 2022 và lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023. 6. Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%), phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu (70%) và chuyển sản giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX 7. Tờ trình về điều chỉnh vốn điều lệ bằng vốn thực góp. 8. Tờ trình thông qua giao dịch người nội bộ và người có liên quan 9. Tờ trình thông qua Báo cáo chia thưởng của HĐQT, BKS năm 2023
10 ^h 40-11 ^h 00	Thông qua Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
11 ^h 00	Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. Bế mạc Đại hội./.

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

C64/II, Đường Số 8, KCN Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3765 4160

FAX: 028 3765 4161

---o0o---

**TÀI LIỆU
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

TP.HCM, Ngày 22 tháng 04 năm 2023



SINCE 1987

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI (dự kiến)



THỜI GIAN

NỘI DUNG

8 ^h 00 - 8 ^h 30	A.Đón khách và đăng ký Cổ đông
8 ^h 30 - 8 ^h 40	B.Thủ tục bắt đầu khai mạc Đại hội: 1. Khai mạc, giới thiệu đại biểu 2. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông 3. Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Đoàn thư ký
8 ^h 40 - 8 ^h 50	C.Thông qua chương trình Đại hội. (Biểu quyết) Độc quy chế tổ chức ĐHĐCĐ Merufa; xin ý kiến và biểu quyết thông qua
8 ^h 50 - 9 ^h 30	D.Trình bày và xin ý kiến cổ đông các vấn đề sau: 1. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2022 và kế hoạch năm 2023. 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc năm 2022 và kế hoạch năm 2023. 3. Báo cáo quyết toán tài chính của công ty năm 2022 (đã kiểm toán). 4. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 và KH 2023 của Ban kiểm soát. 5. Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 6. Báo cáo tiến độ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%), phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu (70%) và chuyển sản giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX
9 ^h 30-10 ^h 00	Đại hội thảo luận các nội dung báo cáo HĐQT, báo cáo Ban TGD, báo cáo Ban kiểm soát.
10 ^h 00-10 ^h 10	Giải lao
10 ^h 10-10 ^h 40	E.Thông qua các Tờ trình bao gồm: 1. Tờ trình thông qua các Báo cáo của HĐQT, TGD. 2. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính 2022 đã kiểm toán. 3. Tờ trình phân phối lợi nhuận chi trả cổ tức năm 2022. 4. Tờ trình thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2023. 5. Tờ trình của Ban kiểm soát về Báo cáo 2022 và lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023. 6. Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%), phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu (70%) và chuyển sản giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX 7. Tờ trình về điều chỉnh vốn điều lệ bằng vốn thực góp. 8. Tờ trình thông qua giao dịch người nội bộ và người có liên quan 9. Tờ trình thông qua Báo cáo chia thưởng của HĐQT, BKS năm 2023
10 ^h 40-11 ^h 00	Thông qua Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
11 ^h 00	Bế mạc Đại hội./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày tháng..... năm 2023

GIẤY ĐĂNG KÝ THAM DỰ

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần MERUFA thường niên năm 2023

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần MERUFA

Địa chỉ: C64/II đường số 8, KCN Vĩnh lộc, H.Bình Chánh, TP.HCM

ĐT: (028) 37654160

Fax: (028)37654161

Tên cổ đông:.....

Đại diện cho pháp nhân (nếu có).....

Số CMND/Giấy CNĐKKD/Hộ chiếu.....

Địa chỉ thường trú:.....

Số ĐT:..... Số Fax:.....

Mã số CD:..... Số cổ phần sở hữu:.....cổ phần

Số cổ phần được ủy quyền (nếu có):.....cổ phần

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần MERUFA, tôi đủ điều kiện tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Bằng văn bản này, tôi đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần MERUFA thường niên năm 2023 được tổ chức vào ngày 22/04/2023.

Trân trọng./.

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu [đối với pháp nhân])

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Ngày tháng..... năm 2023

GIẤY ỦY QUYỀN

V/v tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần MERUFA năm 2023

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần MERUFA
Địa chỉ: C64/II đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, H.Bình Chánh, TP.HCM
ĐT: (028) 37654160 **Fax:** (028) 37654161

1. Bên ủy quyền:

Tên cổ đông:.....

Đại diện cho pháp nhân (nếu có).....

Số CMND/Giấy CNĐKKD/Hộ chiếu.....

Địa chỉ thường trú:.....

Số ĐT:..... Số Fax:.....

Mã số CD:..... Số cổ phần sở hữu:..... cổ phần

2. Bên được ủy quyền:

Họ và tên (Ông/Bà):.....

Số CMND/Giấy CNĐKKD/Hộ chiếu.....

Địa chỉ thường trú:.....

Số ĐT:..... Số Fax:.....

Nội dung ủy quyền:

Bên được ủy quyền thay mặt cho bên ủy quyền tham dự, thảo luận, biểu quyết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của Cổ đông theo quy định trong Điều lệ Công ty tại Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần MERUFA thường niên năm 2023 được tổ chức vào ngày 22/04/2023.

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN

(ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu [đối với pháp nhân])

(MẶT TRƯỚC)



MERUFA

CÔNG TY
CỔ PHẦN

MERUFA

Q. PHU NHUAN - TP. HO CHI MINH

PHIẾU/THẺ BIỂU QUYẾT

TẠI ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2023_HỌP NGÀY 22/04/2023

MSCĐ: 0001 HỌ VÀ TÊN:

SỐ CP SỞ HỮU:

10.000

SỐ CP NHẬN ỦY QUYỀN

5.000

TỔNG SỐ CP CÓ QUYỀN BIỂU

15.000

CHỮ KÝ XÁC NHẬN CỦA CỔ ĐÔNG:.....



(MẶT SAU)

MSCĐ: 0001 .SỐ CP CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT: 15.000

Chú ý: Cổ đông đã ghi Phiếu biểu quyết nội dung nào thì đánh dấu X vào ô tương ứng.

Nếu một (01) trong các nội dung không đánh dấu X; hoặc đánh 2 dấu X; đánh 3 dấu X thì việc biểu quyết nội dung đó là không hợp lệ.

SỐ TT	NỘI DUNG BIỂU QUYẾT	TÁN THÀNH	KHÔNG TÁN THÀNH	KHÔNG CÓ Ý KIẾN
1.	Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2022 và kế hoạch năm 2023.			
2.	Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc năm 2022 và kế hoạch năm 2023.			
3.	Báo cáo quyết toán tài chính của công ty năm 2022 (đã kiểm toán).			
4.	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 và KH 2023 của Ban kiểm soát.			
5.	Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 của HĐQT; KH 2023 và định hướng phát triển			
6.	Báo cáo tiến độ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%), phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu (70%) và chuyển sản giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX			
7.	Tờ trình thông qua các Báo cáo của HĐQT, TGD.			
8.	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính 2022 đã kiểm toán.			
9.	Tờ trình phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022.			
10.	Tờ trình thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2023.			
11.	Tờ trình của Ban kiểm soát về Báo cáo 2022 và lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023.			
12.	Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%), phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu (70%) và chuyển sản giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX			
13.	Tờ trình về việc điều chỉnh vốn điều lệ bằng vốn thực góp.			
14.	Tờ trình thông qua giao dịch người nội bộ và người có liên quan			
15.	Tờ trình thông qua Báo cáo chia thưởng của HĐQT, BKS năm 2023			
16.	Thông qua Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.			
17.	Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.			

Sau khi ghi phiếu xong xin vui lòng nộp cho BAN KIỂM PHIẾU.

CÔNG TY CỔ PHẦN
MERUFA
Số: ~~169~~ /QC-MRF

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 06 năm 2020

QUY CHẾ TỔ CHỨC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014;
 - Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Merufa.
- Hội đồng Quản trị xây dựng Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi và đối tượng áp dụng

- 1.1 - Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên (gọi tắt là "Đại hội") của Công ty cổ phần Merufa (gọi tắt là "Công ty").
- 1.2 - Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
- 1.3 - Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 2: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội.

- 2.1 - Điều kiện tham dự Đại hội: Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) xác nhận, được quyền tham gia Đại hội.
- 2.2 - Quyền của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:
 - 2.2.1- Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Điều lệ.
 - 2.2.2- Được ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
 - 2.2.3- Ban tổ chức Đại hội sẽ thông báo công khai toàn bộ nội dung, chương trình Đại hội; Tất cả cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền của mình và các ý kiến tham gia được thảo luận tại Đại hội (các ý kiến tham gia phải thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty). Cổ đông phải đọc các nội dung về Đại hội của Công ty, đã được đưa lên trang Web của Công ty, của Sở giao dịch chứng khoán Hà nội (HNX) và trang Công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
 - 2.2.4- Tại Đại hội, mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội phải mang theo Giấy đăng ký dự họp, Giấy ủy quyền dự họp (đối với đại diện cổ đông) nộp cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận một Phiếu (thẻ) biểu quyết (ghi số thứ tự cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông). Giá trị biểu quyết của phiếu bầu mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội.

2.2.5 Trường hợp cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến (tham dự họp Đại hội từ xa) thì quy định như sau:

- Căn cứ vào Điểm c, Khoản 2, Điều 140 Luật doanh nghiệp năm 2014 thì cổ đông tham dự và bỏ phiếu trực tuyến cũng được coi như cổ đông đó tham dự Đại hội trực tiếp. Do đó, các cổ đông khi đăng nhập vào hệ thống họp/bỏ phiếu trực tuyến của Công ty thì được coi là cổ đông trực tiếp tham dự và kết quả bỏ phiếu cũng có giá trị như cổ đông bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội.
- Cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến thì thực hiện biểu quyết thông qua hệ thống bỏ phiếu trực tuyến.
- Cổ đông tham dự Đại hội và bỏ phiếu trực tuyến được hệ thống ghi nhận kết quả bỏ phiếu tại thời điểm kết thúc biểu quyết của từng nội dung Đại hội hoặc ghi nhận kết quả bỏ phiếu tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu. Cổ đông chịu trách nhiệm về kết quả bỏ phiếu khi đã đăng nhập vào hệ thống mà Ban tổ chức Đại hội cung cấp.
- Cổ đông tham dự trực tuyến bị ngắt kết nối trước thời điểm bỏ phiếu kết thúc thì các nội dung nào cổ đông đã bỏ phiếu sẽ được ghi nhận và nội dung nào chưa bỏ phiếu sẽ không được tính khi kiểm phiếu. Trường hợp cổ đông kết nối lại thì cổ đông được tiếp tục bỏ phiếu các nội dung còn chưa biểu quyết.

2.2.6- Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự cuộc họp Đại hội sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết.

2.2.7- Cổ đông đến Đại hội muộn (khi Đại hội chưa kết thúc) có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

2.3 - Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội:

2.3.1 - Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

2.3.2 - Ăn mặc lịch sự;

2.3.3 - Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;

2.3.4 - Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo quy định, tuân thủ thời gian phát biểu, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội;

2.3.5 - Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội;

2.3.6 - Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

2.3.7 - Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội;

2.3.8 - Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội;

2.3.9 - Nghiêm túc chấp hành Quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

3.1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị Công ty quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

3.1.1 - Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền); Kiểm tra tính hợp lệ của cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến.

3.1.2 - Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết; Phiếu bầu cử và các tài liệu họp liên quan khác;

3.1.3 - Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc Đại hội;

- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (do Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

3.1.4 - Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

3.2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

4.1. Ban Kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và hai (02) thành viên do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội biểu quyết thông qua.

4.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn cách bầu cử, cách sử dụng thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu, tính toán và loại trừ các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết (nếu có) cho từng vấn đề biểu quyết đối với cổ đông tham dự trực tiếp tại Đại hội. Ban kiểm phiếu cũng đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn thể lệ bầu cử, hướng dẫn cổ đông thực hiện biểu quyết trực tuyến, kiểm tra giám sát việc biểu quyết và tổ chức kiểm phiếu.

4.3. Trưởng Ban Kiểm phiếu báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu.

4.4. Ban Kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

4.5. Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực kết quả kiểm phiếu đã công bố.

4.6. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản và bàn giao lại toàn bộ phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử, các biên bản kiểm phiếu cho HĐQT Công ty ngay sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký

5.1. Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tọa Đại hội gồm Chủ tọa Đại hội và một (hoặc một số) thành viên HĐQT Công ty.

5.2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

5.3. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

5.4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

5.4.1- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

5.4.2- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp; hoặc

5.4.3- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

5.5. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

5.6. Chủ tọa có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

5.7. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

5.8. Chủ tọa đề cử Ban Thư ký Đại hội để lập biên bản cuộc họp Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp có liên quan. Ban Thư ký do Đại hội biểu quyết thông qua.

Chương III: TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6: Điều kiện để tiến hành Đại hội:

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội.

6.1. Trường hợp quá 30 phút kể từ thời điểm khai mạc Đại hội (được ghi trong nội dung chương trình cuộc họp đã gửi cho các cổ đông), mà số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội chưa đại diện đủ cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thì cuộc họp được coi như chưa đủ điều kiện để tiến hành.

6.2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 7: Cách thức tiến hành Đại hội

7.1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua và các nội dung đã gửi cho cổ đông, đã công bố thông tin công khai trên trang Web của Công ty, trên HNX và trên trang công bố thông tin của UBCK nhà nước.

7.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

7.3. Đại hội bế mạc sau khi Biên bản Đại hội được thông qua.

Chương IV: KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 8: Thông qua Quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

8.1 – Biểu quyết:

- Cổ đông và/hoặc Đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết (đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến) một vấn đề/nội dung bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

- Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các cổ đông biểu quyết đồng ý thông qua giơ phiếu biểu quyết lên cao. Thành viên Ban kiểm phiếu sẽ đánh dấu Mã số cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông “đồng ý”. Tương tự, theo sự điều hành của Chủ tọa, các cổ đông “không đồng ý” hoặc “không có ý kiến” sẽ lần lượt giơ phiếu biểu quyết.

- Cổ đông giơ phiếu biểu quyết các nội dung như thế nào thì đánh dấu vào thẻ biểu quyết như vậy. Ví dụ Cổ đông giơ phiếu biểu quyết “nội dung 1” là “đồng ý” thì đánh dấu X vào dòng “nội dung 1” ở cột “đồng ý”. Sau khi giơ phiếu biểu quyết xong nội dung cuối cùng và đánh dấu tên thẻ xong thì cổ đông nộp lại thẻ biểu quyết cho Ban kiểm phiếu.

- Cổ đông tham dự trực tuyến có thể phát biểu, góp ý với Đại hội thông qua hệ thống hình ảnh, âm thanh được kết nối với Ban tổ chức Đại hội hoặc thông qua màn hình chat với Ban thư ký Đại hội (tùy theo Hệ thống mà đại hội trực tuyến sử dụng).

- Kết quả kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội.

8.2 – Thông qua Quyết định của Đại hội:

Các quyết định của Đại hội được thông qua theo quy định ghi trong Điều 21 của Điều lệ Công ty.

Điều 9: Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được thư ký Đại hội ghi vào biên bản của Công ty. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại Công ty, đồng thời được công bố thông tin theo quy định.

Chương V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10: Điều khoản thi hành:

Quy chế này gồm 5 Chương 10 Điều, được thông qua Đại hội Cổ đông thường niên ngày 20 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực ngay sau khi Đại hội thông qua. Trong quá trình thực hiện nếu cổ đông phát hiện những điểm không phù hợp với Điều lệ hoặc các quy định Pháp luật khác, thì phản ánh cho Hội đồng quản trị để xem xét sửa đổi. *Đại hội các năm sau, kể cả Đại hội đồng cổ đông bất thường thì "Quy chế tổ chức Đại hội" này vẫn có hiệu lực thi hành (mà không phải thông qua mỗi khi Đại hội), nếu không có những yếu tố thay đổi lớn ảnh hưởng đến Đại hội và không có sự đề nghị sửa đổi của Hội đồng quản trị./.*

Nơi gửi:

- DHDCD và CBTT
- HDQT, BKS, Ban TGD
- Thư ký HDQT.
- Lưu Văn thư

TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



KS. VU VĂN MINH





SINCE 1987

Số: 141 /BC-HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
 Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
 Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
 Website: www.merufa.com.vn; www.merufa.com; Email: merufa@merufa.vn
 ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO NĂM 2022 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ MERUFA

Kính gửi: - Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP MERUFA



Theo Luật Doanh nghiệp, thì hàng năm Hội đồng quản trị phải báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông thương niên tối thiểu một số vấn đề sau: Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính; Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị; Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành; Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý khác; Các kế hoạch trong tương lai; Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị... Nay HĐQT Công ty báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông 2023 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2022

1- Kết quả hoạt động SXKD trong năm của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	2	3	4=3/2	5
1 - Tổng giá trị tài sản	164.580	142.683	86,7	
2 - Doanh thu thuần	284.510	202.308	71,1	
3 - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	31.982	15.859	49,6	
4 - Lợi nhuận khác	-2.037	271	113,3	
5 - Lợi nhuận trước thuế	29.945	16.130	53,9	
6 - Lợi nhuận sau thuế	23.723	12.666	53,4	
7 - Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30%	30% (*)	100,00	(*) là số KH dự kiến chia

2 - Các khoản đầu tư trong năm của Công ty:

2.1 Đầu tư XDCB và mua sắm thiết bị:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2021	KH 2022	TH 2022	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5=4:3	6
Tổng giá trị Đầu tư, trong đó:	14.408	12.100	10.620	87,8	
1 - XDCB	0	0	0	0	
2 - Mua sắm thiết bị	14.408	12.100	10.620	87,8	

2.2 Đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: Không
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: Không
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

+ Công ty Cổ phần SAM holdings (SAM): Tính đến 31/12/2022 Công ty có 73.578 cổ phần (tăng 5.804 cổ phần so với 1/1/2022), giá gốc 196,8 triệu đồng, giá đóng cửa ngày 31/12/2022: 6.010 đồng/cổ phiếu;

3 - Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Công ty

- Công ty hoạt động theo đúng nội dung của “Giấy đăng ký kinh doanh”, chấp hành chính sách, pháp luật Nhà nước về hoạt động kinh doanh.
- Giám sát chặt chẽ Công ty, đảm bảo hoạt động theo đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông và những quyết định của Hội đồng quản trị về doanh thu, lợi nhuận... kết quả năm 2022 vẫn có lãi nhưng không đạt chỉ tiêu Kế hoạch; Giám sát tình hình đầu tư XDCB và mua sắm máy móc thiết bị;
- Giữ được thị trường găng tay, nút chai và condom, cố gắng ổn định sản xuất, đảm bảo việc làm và thu nhập của người lao động, thực hiện các chính sách đối với người lao động.
- Công tác tổ chức quản lý đã được củng cố nên năng lực quản trị và hiệu quả công việc được cải thiện. Kiên quyết thay đổi đối với những cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ.
- Giám sát việc bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông, hoàn thành nghĩa vụ thuế, BHXH... đối với nhà nước, thực hiện tốt chính sách xã hội (nuôi dưỡng thương binh...);
- Giám sát việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, PCCC, giữ vững an ninh trật tự và vệ sinh môi trường v.v... Thông qua việc giao nhiệm vụ và kiểm tra thường xuyên. Đặc biệt đã thực hiện tốt 5S-Kaizen, phòng chống dịch Covid-19 có kết quả, duy trì và ổn định sản xuất; đã bắt đầu thực hiện “chuyển đổi số”.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị :

Stt	Thành viên HĐQT (Nhiệm kỳ 2021- 2026)	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Vũ Văn Minh	Chủ tịch	29/4/2021	5/5	100%	
2	Ông Lưu Tiến Cáo	Thành viên	24/4/2021	5/5	100%	
3	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	24/4/2021	5/5	100%	
4	Ông Hoàng Minh Dũng	Thành viên	24/4/2021	5/5	100%	
5	Ông Vũ Chinh	Thành viên	24/4/2021	5/5	100%	

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

Trong năm, HĐQT bám sát hoạt động của Công ty, của Ban Tổng Giám đốc, đặc biệt là Chủ tịch HĐQT có mặt ở công ty khá thường xuyên để kiểm tra và giải quyết một số vướng mắc. Ban TGD có sự phân công nhiệm vụ và có sự hỗ trợ giúp đỡ nhau, HĐQT luôn đồng hành cùng Ban TGD bám sát sản xuất, kịp thời đề ra những biện pháp về tổ chức, quản lý cũng như những giải pháp kỹ thuật, cải tiến công nghệ... nên SXKD đã duy trì mức lãi khá (có một số Công ty SX gặp bị lỗ hoặc dừng hoạt động, bán thanh lý máy).

Đặc biệt đã đưa Dây chuyền GKT-02 vào hoạt động đạt kết quả tốt.

III. CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện các chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, trong đó có việc đề ra các chủ trương, biện pháp phù hợp với từng thời kỳ phát triển của công ty, kịp thời thông qua các Nghị quyết để Công ty giải quyết những khó khăn, để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Trong năm Hội đồng quản trị họp 05 lần có ghi Biên bản và có ra Nghị quyết về nhiều vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty, không kể các buổi họp chuyên đề về một số nội dung cụ thể, có 1-2 thành viên HĐQT tham dự;

IV. LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO CỦA HĐQT

Các thành viên HĐQT được hưởng các khoản phụ cấp hàng tháng năm 2022 (có cả thưởng Vượt kế hoạch 2020 và 2021) như sau:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương	Phụ cấp HQQT	Thưởng vượt KH 2020 và 2021	Cộng	Ghi chú
1	Ông Vũ Văn Minh	Chủ tịch	0	128.000.000	73.000.000	201.000.000	
2	Ông Lưu Tiến Cáo	Thành viên	0	72.000.000	58.500.000	130.500.000	
3	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	0	72.000.000	53.500.000	125.500.000	
4	Ông Hoàng Minh Dũng	Thành viên	0	72.000.000	30.000.000	102.000.000	
5	Ông Vũ Chinh	Thành viên	0	72.000.000	30.000.000	102.000.000	
6	Ông Phạm Xuân Mai	Thành viên	0	0	23.500.000	23.500.000	
7	Ông Phạm Kim Hải	Thành viên	0	0	23.500.000	23.500.000	
8	Bà Nguyễn thị Thanh Thúy	Thành viên	0	0	23.500.000	23.500.000	

V. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG 2022:

1 - Các chỉ tiêu KH SXKD

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	2	3	4=3/2	5
1 - Doanh thu thuần	202.308	170.000	84,03%	
2 - Lợi nhuận trước thuế	16.130	12.500	77,50%	
3 - Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	30	20	66,67%	

2 - Các khoản đầu tư trong năm của Công ty:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	KH 2022	TH 2022	KH 2023	Ghi chú
1	2	3	4	5
Tổng giá trị Đầu tư, trong đó:	12.100	10.620	7.000	
1 - XD CB	0	0	0	
2 - Mua sắm thiết bị	12.100	10.620	3.000	
3- Đầu tư hệ thống năng lượng			4.000	

3 - Các giải pháp thực hiện kế hoạch: Tình hình kinh tế xã hội thị trường trong và ngoài nước năm 2023 do dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến khó lường, có nhiều khó khăn, nhưng cũng có những thuận lợi, để thực hiện chiến lược, mục tiêu cũng như kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo đúng pháp luật Nhà nước. Công ty phấn đấu thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm, với các giải pháp về bán hàng và marketing (giữ vững thị trường trong nước và chú ý duy trì xuất khẩu), về tổ chức quản lý sản xuất, về tài chính... Với những kế hoạch, chỉ tiêu cụ thể, có kiểm soát, kiểm điểm tổng kết đánh giá, khuyến khích sáng kiến, đổi mới sáng tạo, gắn tiền lương thu nhập với kết quả thực hiện nhiệm vụ, cải tiến công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn ở mức cao; công tác quản lý phải cải thiện và nâng cao, gắn với sự phát triển của công nghệ số... Tiếp tục thực hiện được chỉ tiêu đầu tư mua sắm thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất.

Ngoài những giải pháp chủ yếu trên đây, trong từng tháng, quý căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty HQQT có những giải pháp cụ thể. Hội đồng quản trị mong nhận được những ý kiến góp ý của Đại hội.

Xin trân trọng cảm ơn và chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)



Ks. VŨ VĂN MINH



SINCE 1987

Số: 174/23/BC-MRF

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh

Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161

Website: www.merufa.com.vn; www.merufa.com; Email: merufa@merufa.vn

ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

TP.Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CP MERUFA VỀ SXKD VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2022, KẾ HOẠCH 2023.

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP MERUFA

Ban Tổng giám đốc Công ty báo cáo hoạt động SXKD 2022 và kế hoạch 2023 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2022

1 - Bối cảnh chung: Năm 2022 có thuận lợi và khó khăn sau: Thuận lợi là kinh tế trong nước tiếp tục tăng trưởng (GDP tăng khoảng 8,02%), giá cả khá ổn định (lạm phát khoảng 2,59%); Đầu năm, nhu cầu giảm trong nước và trên thế giới vẫn ở mức cao (do đại dịch covid-19), nhưng 6 tháng cuối năm giảm mạnh; Lãi suất vay Ngân hàng VCB vừa phải và khá ổn định, nhưng 6 tháng cuối năm tăng mạnh; Bộ máy Công ty đã khá gọn nhẹ, được củng cố và thử thách qua những năm gần đây, với đội ngũ CBCNV nhiệt tình, sáng tạo, đoàn kết cùng phấn đấu vì lợi ích công ty, đã thực hiện nghiêm quy trình công nghệ và có những cải tiến phù hợp, nên sản xuất khá ổn định, giữ được thương hiệu trên thị trường trong điều kiện mới; Việc bán hàng đã có những thích ứng, thay đổi kịp thời (*Bám sát các khách hàng truyền thống giảm giá để tăng sự cạnh tranh...*). Khó khăn: Thị trường giảm nhu cầu, condom... vẫn có sự cạnh tranh gay gắt, nhiều đơn vị tư nhân tham gia, giá giảm mạnh (*Có một số công ty sản xuất giảm khác ở trong, ngoài nước chỉ chạy 30% - 50% công suất, có khá nhiều Công ty đóng cửa, ngừng hẳn, thậm chí bán thanh lý máy; Xung đột Nga - Ucraina cũng xấu đến thị trường*); Thù tục đấu thầu và thanh toán rất nhiều khê (*Các bệnh viện mời thầu với các điều kiện rất khác nhau, chủ yếu đấu về giá - "thấp thì trúng" và đặc biệt là thời gian thanh toán rất chậm từ 3 tháng, thậm chí trên 6 tháng*); Giá nguyên vật liệu, nhiên liệu... đầu vào tăng và biến động thất thường.

2 - Kết quả thực hiện Kế hoạch SXKD và Đầu tư của Công ty:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022		(%) TH 2022 so với:		Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện	TH 2021	KH 2022	
A	1	2	3	4=3:1	5=3:2	6
I. Kết quả SXKD:						
1 - Doanh thu thuần	284.511	296.330	202.308	71,1	68,3	
2 - Lợi nhuận trước thuế	29.945	22.030	16.130	53,8	73,2	
3 - Tỷ lệ chia cổ tức	30%	30%	30%	100,0	100,0	
II. Kết quả Đầu tư:						
1 - XD CB	0	0	0	0	0	
2 - Mua sắm thiết bị	14.408	12.100	10.620	73,70	87,76	
Cộng	14.408	12.100	10.620	73,70	87,76	

Phân tích:

Về SXKD: Tuy có những khó khăn, bằng một loạt những biện pháp như: Tiếp tục củng cố bộ máy điều hành, giao quyền chủ động cho các trường đơn vị, tháo gỡ những vướng mắc, tăng cường khoản chi phí và

phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật; thay đổi phương thức bán hàng khi không chế được dịch Covid-19 và chế độ tiền lương linh hoạt, thiết thực; sử dụng mặt bằng hợp lý, tiết kiệm. Từ đó duy trì kết quả kinh doanh cả năm Doanh thu đạt 68,3% kế hoạch và lãi 16.130 triệu đồng, đạt 73,2% kế hoạch.

Về đầu tư:

- Kế hoạch: Năm 2022, ĐHĐCĐ ngày 24/4/2021 đã thông qua KH đầu tư 12.100 triệu đồng (vốn mua sắm thiết bị). Thực hiện 2022 là 10.620 triệu đồng;

3 – Tình hình quản lý vốn và tài sản:

Đơn vị tính: Triệu đồng;

Chi tiêu	Mã số	Số 1.1.2022	Số 31.12.2022	Tăng/giảm
I. Tài sản ngắn hạn:	100-BCĐKT	116.558	97.233	-19.325
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	7.323	8.596	+1.273
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	41.892	35.022	-6.870
Trong đó: <i>Nợ phải thu khó đòi</i>		0	0	0
3. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	62.554	50.631	-11.923
4. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	4.790	2.984	-1.806
II. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	48.022	45.450	-2.572
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	247	266	+190
2. Tài sản cố định	220-BCĐKT	36.504	45.501	+8.997
- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT	17.956	23.590	+5.634
- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT	9.920	9.536	-384
3. Tài sản dở dang dài hạn	240-BCĐKT	7.840	1.061	-6.779
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	197	197	0
5. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	3.234	3.425	+191
III. Nợ phải trả	300-BCĐKT	70.048	49.436	-20.612
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	59.813	42.754	-17.059
Trong đó: <i>Nợ quá hạn</i>		0	0	0
2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT	10.235	6.681	-3.554
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	94.532	93.248	-1.284
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	94.497	93.213	-1.284
Trong đó: <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	411-BCĐKT	36.754	36.754	0
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430-BCĐKT	34	34	0
CỘNG TÀI SẢN (I+II)/NGUỒN VỐN (III+IV)	270/440	164.580	142.683	-21.897

Nhìn chung, tài sản và nguồn vốn đều giảm so với 2021 (giảm mạnh là Hàng tồn kho và Nợ ngắn hạn), riêng TSCĐ tăng. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, bảo toàn vốn đối với cổ đông, thực hiện tốt các chính sách xã hội...đối với người lao động

4 – Kết quả hoạt động kinh doanh:

Chi Tiêu	Mã số	Năm 2021	Năm 2022	Tăng/Giảm
I. Kết quả kinh doanh:				
1. Tổng doanh thu		285.083	204.040	-81.043
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10-BCKQKD	284.511	202.308	-83.203
- Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD	528	227	-301
- Thu nhập khác	31-BCKQKD	44	1.505	+1.461
2. Tổng chi phí		255.138	187.910	-67.228
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	29.945	16.130	-13.815
- Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	30-BCKQKD	31.982	15.859	-16.123
- Lợi nhuận khác	40-BCKQKD	-2.037	271	+2.308
4. Tổng lợi nhuận sau thuế	60-BCKQKD	23.734	12.666	-11.068
II. Chỉ tiêu khác:				
1. Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)		31,68	17,29	-14,39
2. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)		74,12	53,01	-21,11

II. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG 2023:

1- Kế hoạch SXKD và Đầu tư của Công ty:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH Năm 2022	KH Năm 2023	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
A	1	2	3=2:1	4
I. Kế hoạch SXKD:				
1 - Doanh thu thuần	202.308	170.000	84,03	
2 - Lợi nhuận trước thuế	16.130	12.500	77,50	
3 - Tỷ lệ chia cổ tức (%)	30	20	66,67	
II. Kế hoạch Đầu tư:				
1 - XDCB	0	0	0	
2 - Mua sắm thiết bị	10.620	7.000	65,91	
Cộng	<u>10.620</u>	<u>7.000</u>	<u>65,91</u>	

2 - Các giải pháp thực hiện kế hoạch: Tình hình kinh tế xã hội thị trường trong và ngoài nước năm 2023 có những thuận lợi, nhưng cũng nhiều biến động khó dự kiến. Năm 2023 Công ty phấn đấu:

- Tập trung sản xuất và cung ứng gắng tay đáp ứng nhu cầu của thị trường (nhu cầu giảm mạnh do dịch Covid-19 đã được kiểm soát), cải thiện môi trường làm việc, bảo vệ sức khỏe CBCNV của Công ty.
- Triển khai “*chuyển đổi số*” và thực hiện các giải pháp về bán hàng và marketing, về tổ chức quản lý sản xuất, giải pháp về tài chính và các giải pháp khác do HĐQT đề ra, nhằm giữ vững và mở rộng thị trường, từng bước đưa một số mặt hàng mới ra thị trường một cách vững chắc.
- Công tác tổ chức: Kiện toàn bộ máy, tăng cường trách nhiệm cá nhân; Rà soát lại các văn bản quản trị để sửa đổi, bổ sung; Duy trì việc phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm hợp lý hóa sản xuất gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết quả kinh doanh của công ty với thu nhập người lao động.
- Thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm, tiếp tục khai thác những tiềm năng về cơ sở vật chất sẵn có (mặt bằng, máy móc thiết bị, vốn...); thực hiện một số giải pháp để tăng cường hiệu lực quản lý và hiệu quả trong hoạt động quản trị. Thực hiện tốt ISO 9001, ISO 13485 và 5S-Kaizen.
- Trong từng tuần, tháng đề ra mục tiêu, giải pháp cụ thể cho từng bộ phận, đơn vị thực hiện kế hoạch đã đề ra. Giải quyết hàng hóa kém, mất phẩm chất, nợ khó đòi, TSCĐ không sử dụng...

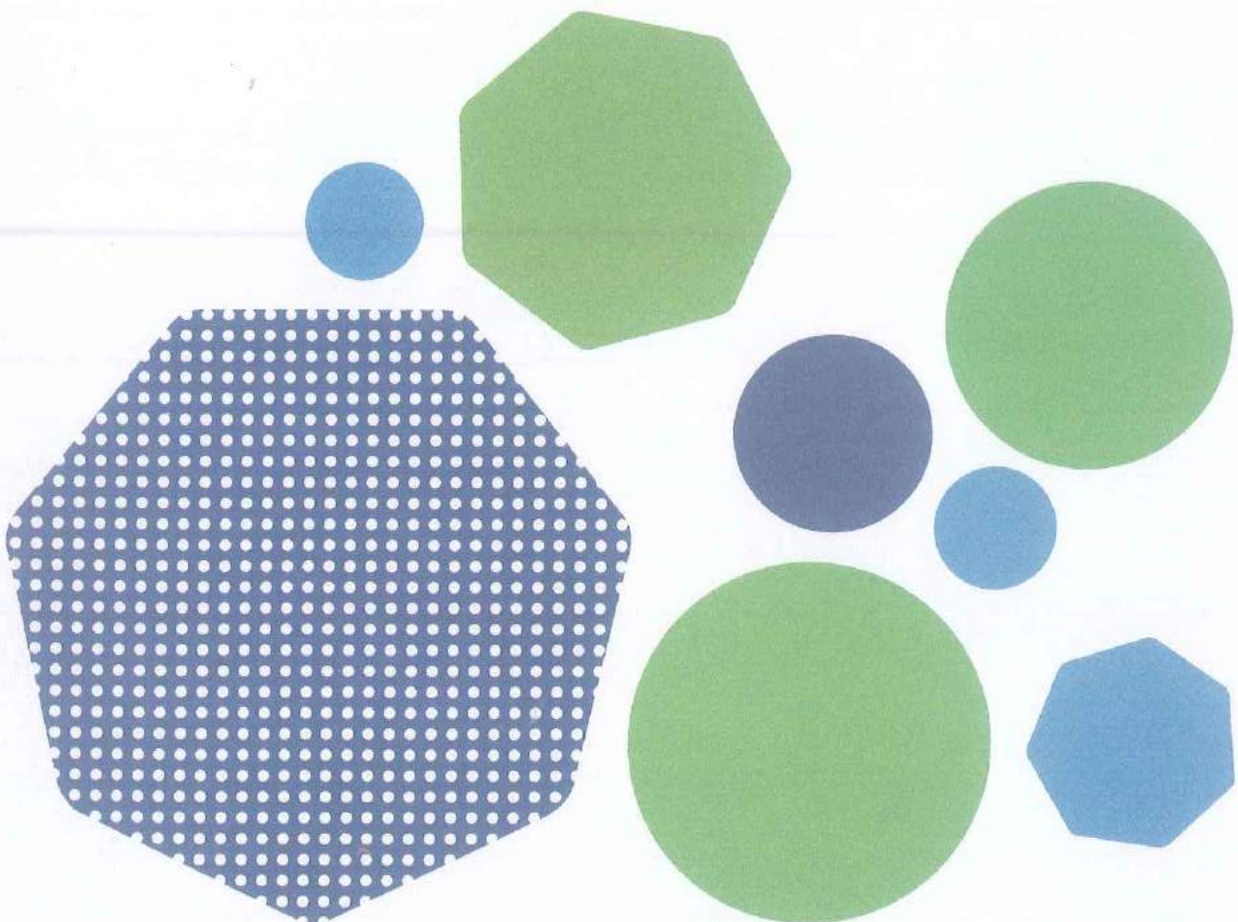
Ban Tổng giám đốc mong nhận được những ý kiến góp ý của HĐQT và của Đại hội.
Xin trân trọng cảm ơn và chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

Ch. LƯU TIẾN CẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022



CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Merufa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 từ trang 07 đến trang 41.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Merufa, tiền thân là Xí nghiệp Cao su Y tế - trực thuộc Bộ Y tế được thành lập theo Luật doanh nghiệp Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478598 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2003, và đăng ký thay đổi lần thứ 8 cấp ngày 25/5/2022.

Công ty có trụ sở và chi nhánh như sau:

- Trụ sở chính: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nhà máy sản xuất: Lô C64/II, đường số 8, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Merufa tại Hà Nội: Số 1 ngõ 120, Đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Ngày 05/12/2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ra Quyết định số 985/QĐ-SGDHN và Thông báo 159/TB-SDGHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Merufa trên thị trường UPCoM với số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 3.675.404 cổ phiếu. Ngày giao dịch đầu tiên trên sàn UPCoM là ngày 12/12/2017.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm: Sản xuất và mua bán các sản phẩm từ cao su, nhựa, kim loại... dùng trong y tế, trong công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; dụng cụ dùng cho ngành thú y, chăn nuôi (không sản xuất nhựa, cao su, kim loại trong khu dân cư tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh; Mua bán vật tư các loại, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo máy móc thiết bị sản xuất sản phẩm từ cao su, nhựa, kim loại; kinh doanh bất động sản; sản xuất, mua bán mỹ phẩm.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Văn Minh	Chủ tịch
Ông Lưu Tiến Cào	Thành viên
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên
Ông Hoàng Minh Dũng	Thành viên
Ông Vũ Chính	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lưu Tiến Cào	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Hữu Phước	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Kim Hậu	Trưởng ban
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Bà Trương Thị Thanh Thủy	Thành viên

Kế toán trưởng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và cho đến ngày lập Báo cáo này là Bà Lê Vĩnh San San.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lưu Tiến Cáo - Tổng Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *al*



Lưu Tiến Cao

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2023

Số: 08 /2023/UHYHCM-BCKTĐL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Merufa**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Merufa (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 08 tháng 3 năm 2023, trình bày từ trang 07 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Merufa tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 0294-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2023

Hà Thị Thanh Thúy
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 4707-2019-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		97.232.924.158	116.558.402.630
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	8.596.321.987	7.323.331.310
Tiền	111		8.596.321.987	7.323.331.310
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.022.297.734	41.891.565.317
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	35.544.273.673	32.646.247.123
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.010.457.286	7.167.815.199
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	-	43.500.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	243.667.323	2.361.320.857
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6, 7, 9	(1.776.100.548)	(327.317.862)
Hàng tồn kho	140	10	50.630.701.986	62.553.738.859
Hàng tồn kho	141		58.780.117.761	65.092.868.551
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.149.415.775)	(2.539.129.692)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.983.602.451	4.789.767.144
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	46.451.612	739.195.377
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.937.150.839	4.050.571.767
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.450.516.083	48.021.626.408
Các khoản phải thu dài hạn	210		266.486.794	246.554.794
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	-	1.226.464.300
Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	-	51.960.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	15.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	9	251.486.794	251.486.794
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	(1.283.356.300)
Tài sản cố định	220		40.500.837.549	36.504.277.352
Tài sản cố định hữu hình	221	12	23.590.307.986	17.956.283.865
- Nguyên giá	222		78.585.520.898	72.066.470.234
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.995.212.912)	(54.110.186.369)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	16	7.374.623.607	8.628.100.707
- Nguyên giá	225		8.774.339.702	8.774.339.702
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.399.716.095)	(146.238.995)
Tài sản cố định vô hình	227	13	9.535.905.956	9.919.892.780
- Nguyên giá	228		13.268.647.658	13.268.647.658
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.732.741.702)	(3.348.754.878)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.061.586.431	7.840.097.061
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.061.586.431	7.840.097.061
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	196.800.000	196.800.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		196.800.000	196.800.000
Tài sản dài hạn khác	260		3.424.805.309	3.233.897.201
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	3.424.805.309	3.233.897.201
TỔNG TÀI SẢN	270		142.683.440.241	164.580.029.038

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		49.435.569.885	70.048.016.867
Nợ ngắn hạn	310		42.754.260.608	59.812.895.593
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	3.948.999.625	4.982.760.130
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	140.729.143	2.436.076.766
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	980.701.030	2.606.023.851
Phải trả người lao động	314		3.926.221.582	7.479.052.640
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	2.467.731.979	2.780.637.416
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		794.256.000	1.100.266.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	958.714.299	540.892.480
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	26.495.498.329	34.221.586.488
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.041.408.621	3.665.599.822
Nợ dài hạn	330		6.681.309.277	10.235.121.274
Phải trả dài hạn khác	337	18	252.000.000	499.970.469
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	6.429.309.277	9.735.150.805
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		93.247.870.356	94.532.012.171
Vốn chủ sở hữu	410	23	93.213.537.567	94.497.679.382
Vốn góp của chủ sở hữu	411		36.754.040.000	36.754.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.754.040.000	36.754.040.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.252.024.500	1.252.024.500
Cổ phiếu quỹ	415		(38.000.000)	(38.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		33.047.602.353	23.176.148.641
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.799.565.132	1.894.379.103
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.398.305.582	31.459.087.138
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.732.316.307	7.735.402.745
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		12.665.989.275	23.723.684.393
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		34.332.789	34.332.789
Nguồn kinh phí	431		34.332.789	34.332.789
TỔNG NGUỒN VỐN	440		142.683.440.241	164.580.029.038

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Lê Vinh San San

Lê Vinh San San

Lưu Tiến Cào

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		202.308.642.965	284.974.232.094
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	463.350.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	25	202.308.642.965	284.510.882.094
Giá vốn hàng bán	11	26	163.173.819.522	228.355.526.004
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.134.823.443	56.155.356.090
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	227.337.084	527.983.680
Chi phí tài chính	22	28	2.991.799.349	2.877.018.286
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.939.285.728	2.660.161.310
Chi phí bán hàng	25	29	7.491.238.184	9.062.777.811
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	13.020.028.040	12.761.167.173
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.859.094.954	31.982.376.500
Thu nhập khác	31	30	1.504.780.775	43.938.298
Chi phí khác	32	31	1.233.667.297	2.080.963.528
Lợi nhuận khác	40		271.113.478	(2.037.025.230)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.130.208.432	29.945.351.270
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	3.464.219.157	6.221.666.877
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.665.989.275	23.723.684.393
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	3.450	6.461
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	34	1.865	3.493

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lưu Tiên Cao

Lê Vinh San San

Lê Vinh San San

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	206.799.438.851	268.837.978.642
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(133.216.874.833)	(215.859.520.966)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(31.290.820.671)	(29.122.938.931)
Tiền lãi vay đã trả	04	(2.962.810.274)	(2.613.832.922)
Thuế TNDN đã nộp	05	(5.146.657.186)	(4.670.344.814)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	546.801.438	652.854.179
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(10.025.308.616)	(17.774.005.237)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	24.703.768.709	(549.810.049)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.447.683.622)	(17.434.267.229)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	680.909.091	6.381.160.949
Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(25.000.000)	(2.163.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	53.500.000	2.573.500.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	64.612.706	15.608.067
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.673.661.825)	(10.626.998.213)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	101.244.168.835	182.130.438.803
Tiền trả nợ gốc vay	34	(110.170.256.994)	(167.071.436.831)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.105.841.528)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.716.028.200)	(5.477.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(21.747.957.887)	9.581.251.972
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.282.148.997	(1.595.556.290)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.323.331.310	8.942.179.095
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(9.158.320)	(23.291.495)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	8.596.321.987	7.323.331.310

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Vinh San San

Lê Vinh San San

Lưu Tiến Cao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Merufa, tiền thân là Xí nghiệp Cao su Y tế - trực thuộc Bộ Y tế được thành lập theo Luật doanh nghiệp Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478598 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2003, và đăng ký thay đổi lần thứ 8 cấp ngày 25/5/2022.

Công ty có trụ sở và chi nhánh như sau:

- Trụ sở chính: Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nhà máy sản xuất: Lô C64/II, đường số 8, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Merufa tại Hà Nội: Số 1 ngõ 120, Đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 36.867.230.000 đồng. Trong khi vốn thực góp là 36.754.040.000 đồng, chia thành 3.675.404 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 05/12/2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ra Quyết định số 985/QĐ-SGDHN và Thông báo 159/TB-SDGHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Merufa trên thị trường UPCoM với số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 3.675.404 cổ phiếu. Ngày giao dịch đầu tiên trên sàn UPCoM là ngày 12/12/2017.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021, Đại hội Cổ đông đã thông qua việc chuyển giao dịch cổ phiếu Công ty từ UPCoM lên sàn giao dịch tại HNX. Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục liên quan.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2022 là 175 người (tại 31/12/2021 là 190 người).

1.2. LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

1.3. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Sản xuất và mua bán các sản phẩm từ cao su, nhựa, kim loại... dùng trong y tế, trong công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình;
- Dụng cụ dùng cho ngành thú y, chăn nuôi (không sản xuất nhựa, cao su, kim loại trong khu dân cư tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Mua bán vật tư các loại, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo máy móc thiết bị sản xuất sản phẩm từ cao su, nhựa, kim loại; kinh doanh bất động sản; sản xuất, mua bán mỹ phẩm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất găng tay y tế, bao cao su và các dụng cụ y tế bằng cao su khác. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty là ngắn ngày và quay vòng liên tục nhiều lần trong năm.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là các sản phẩm cao su dùng trong y tế. Công ty có rất nhiều đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực cung cấp dụng cụ y tế bằng cao su. Theo đó, giá thị trường của các sản phẩm này biến động sẽ ảnh hưởng đến doanh thu cũng như là số lượng khách hàng, ngoài ra các chính sách chương trình khuyến mãi về giá, chính sách giá và việc thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp của Công ty sẽ ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Công ty.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có 01 chi nhánh là Chi nhánh Công ty Cổ phần Merufa tại Hà Nội.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được cho Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200"), và Thông tư 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 CÁC LOẠI TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.4. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4.5. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Phần mềm quản lý	03 - 05

4.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ có thời hạn phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

4.8 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, sẽ được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... sẽ được hạch toán vào chi phí tài chính.

4.9 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.9 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.10 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.11 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

4.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế của hoạt động thương mại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.13. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, bên liên quan của Công ty được trình bày chi tiết tại các thuyết minh bên dưới.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	116.935.119	101.016.243
Tiền gửi ngân hàng	8.479.386.868	7.222.315.067
Cộng	8.596.321.987	7.323.331.310

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị VND	Dư phòng VND	Giá trị VND	Dư phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	35.544.273.673	(1.719.208.548)	32.646.247.123	(327.317.862)
- Bệnh viện Quân Y 175/BQP	310.807.500	-	1.349.144.358	-
- Bệnh viện Nhân dân Gia Định	-	-	1.813.077.000	-
- Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	1.640.195.800	-	1.046.176.950	-
- Công ty TNHH Trang Thiết bị Y tế Đức Ân	706.378.000	-	1.007.246.000	-
- Bệnh viện Nhân dân 115	701.244.550	-	1.533.549.000	-
- Bệnh viện Bình Dân	599.892.300	-	1.390.471.000	-
- Công ty TNHH Y tế Hồng Phúc	439.540.500	-	1.335.387.900	-
- Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	601.117.800	-	397.425.000	(10.584.000)
- Công ty TNHH Thiết bị Y tế Quang Trung	566.838.000	-	374.262.000	-
- Bệnh viện Bạch Mai	788.977.100	(149.457.810)	649.917.100	(134.336.250)
- Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang	610.527.750	-	896.912.100	-
- Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	1.590.010.800	-	-	-
- Công ty Cổ phần TB VTYT Thanh Hóa	1.603.336.950	-	1.105.106.100	-
- Công ty Cổ phần SX TM Sun Heath	1.809.731.200	542.919.360	-	-
- Công ty Cổ phần TB VTYT và DP Nghệ An	2.067.732.991	-	815.690.220	-
- Công ty Cổ phần VT TB và KHKT	903.233.190	(58.002.222)	1.016.463.490	(1.430.352)
- Bệnh viện Bệnh Nhiệt Đới	1.149.418.200	-	-	-
- Bệnh viện Nguyễn Trãi	2.195.172.000	-	458.409.000	-
- ALLIANCE GLOVES	546.101.400	(192.827.250)	-	-
- Ông Nguyễn Thanh Hải	396.121.608	(396.121.608)	-	-
- Đối tượng khác	16.317.896.034	(1.465.719.018)	17.457.009.905	(180.967.260)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	1.226.464.300	(1.226.464.300)
- Công ty TNHH TB Y tế Tân Hoàng Hải	-	-	4.836.300	(4.836.300)
- Công ty TNHH Dược Vật tư y tế Rạng Đông Pharma	-	-	10.048.000	(10.048.000)
- Công ty TNHH CVP Cường Vinh Phát	-	-	52.920.000	(52.920.000)
- Ông Nguyễn Thanh Hải	-	-	1.158.660.000	(1.158.660.000)
Cộng	35.544.273.673	(1.719.208.548)	33.872.711.423	(1.553.782.162)
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	58.800.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản	58.800.000	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.010.457.286	(51.960.000)	7.167.815.199	-
- Công ty TNHH Gu Bang	-	-	2.406.600.000	-
- Công ty TNHH Cao su Việt Hà	-	-	2.256.187.500	-
- SRI TRANG GLOVES (THAILAND) PUBLIC CO., LTD	695.970.340	-	-	-
- TOP GLOVE SDN. BHD	-	-	185.328.000	-
- Cửa hàng Thuận Trí	21.960.000	(21.960.000)	-	-
- Công ty TNHH SX TMDV Nguyễn Khôi	30.000.000	(30.000.000)	-	-
- Trả trước cho người bán khác ngắn hạn	262.526.946	-	2.319.699.699	-
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	51.960.000	(51.960.000)
- Cửa hàng Thuận Trí	-	-	21.960.000	(21.960.000)
- Công ty TNHH SX TMDV Nguyễn Khôi	-	-	30.000.000	(30.000.000)
Cộng	1.010.457.286	(51.960.000)	7.219.775.199	(51.960.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	-	-	43.500.000	-
- Bà Lê Thị Hương	-	-	5.000.000	-
- Ông Nguyễn Thanh Bình	-	-	22.000.000	-
- Ông Dương Văn Nhân	-	-	16.500.000	-
b) Dài hạn	15.000.000	-	-	-
- Ông Võ Thành Công	15.000.000	-	-	-
Cộng	15.000.000	-	43.500.000	-

9. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	243.667.323	(4.932.000)	2.361.320.857	(4.932.000)
- Ký quỹ ký cược ngắn hạn	6.840.450	(4.932.000)	8.154.450	(4.932.000)
- Phải thu cán bộ công nhân viên (*)	-	-	2.100.146.090	-
- Phải thu khác	236.826.873	-	253.020.317	-
Dài hạn	251.486.794	-	251.486.794	-
- Ký quỹ ký cược dài hạn	251.486.794	-	251.486.794	-
+ Công ty Cổ phần Khí Công nghiệp Long Biên	67.000.000	-	67.000.000	-
+ Công ty Cổ phần may Nông nghiệp	9.000.000	-	9.000.000	-
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	175.486.794	-	175.486.794	-
Cộng	495.154.117	(4.932.000)	2.612.807.651	(4.932.000)

(*) Theo Biên bản họp ĐHCĐ thường niên năm 2022 số 101/BB-ĐHCĐ ngày 23/4/2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc dùng lợi nhuận sau thuế thanh toán cho Cán bộ công nhân viên số tiền 1.826.213.970 đồng và Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát và Ban thư ký số tiền 273.932.120 đồng đã chi thương trong năm 2021 (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 23.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	131.826.200	-	7.456.888.149	-
Nguyên liệu, vật liệu (*)	40.317.481.032	(7.522.041.993)	44.506.135.539	(2.411.250.604)
Công cụ, dụng cụ	1.943.814.569	-	1.672.260.466	-
Thành phẩm (*)	16.386.787.351	(627.373.782)	11.427.760.910	(127.879.088)
Hàng hoá	208.609	-	29.823.487	-
Cộng	58.780.117.761	(8.149.415.775)	65.092.868.551	(2.539.129.692)

(*) Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định trích lập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với nguyên liệu, vật liệu và thành phẩm với giá trị 6.063.685.248 đồng theo tờ trình số 683/CT-TTr ngày 31/12/2022 về việc trích lập dự phòng hàng tồn kho. Đồng thời, trong năm Công ty cũng đã hoàn nhập dự phòng do hàng tồn kho đã đóng gói và xuất bán, ghi giảm giá vốn đối với giá trị hoàn nhập dự phòng là 453.399.165 đồng.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Ngắn hạn	46.451.612	739.195.377
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	723.120.110
- Chi phí sửa chữa tài sản	46.451.612	16.075.267
Dài hạn	3.424.805.309	3.233.897.201
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.488.082.643	770.578.765
- Chi phí sửa chữa tài sản	369.444.781	432.471.393
- Chênh lệch giữa giá bán và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý rồi thuê lại	907.194.929	1.325.001.425
- Quyền sử dụng đất 02 căn hộ 38 Trương Quốc Dung (*)	660.082.956	685.470.756
- Chi phí khác	-	20.374.862
Cộng	3.471.256.921	3.973.092.578

(*) Quyền sử dụng đất 02 căn hộ chung cư tại tòa nhà 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo, Công ty chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2022	28.637.560.028	40.535.027.756	1.842.976.637	1.050.905.813	72.066.470.234
- Mua sắm TSCĐ	-	115.500.000	-	397.655.520	513.155.520
- Đầu tư XDCB hoàn thành	775.000.000	9.380.402.415	-	-	10.155.402.415
- Thanh lý TSCĐ	-	(3.864.104.271)	(285.403.000)	-	(4.149.507.271)
Tại 31/12/2022	29.412.560.028	46.166.825.900	1.557.573.637	1.448.561.333	78.585.520.898
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2022	(21.219.036.502)	(30.693.396.454)	(1.146.847.600)	(1.050.905.813)	(54.110.186.369)
- Khấu hao trong năm	(1.267.722.881)	(3.359.767.178)	(130.436.224)	(59.681.916)	(4.817.608.199)
- Thanh lý TSCĐ	-	3.647.178.656	285.403.000	-	3.932.581.656
Tại 31/12/2022	(22.486.759.383)	(30.405.984.976)	(991.880.824)	(1.110.587.729)	(54.995.212.912)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2022	7.418.523.526	9.841.631.302	696.129.037	-	17.956.283.865
Tại 31/12/2022	6.925.800.645	15.760.840.924	565.692.813	337.973.604	23.590.307.986

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 25.927.197.210 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 25.854.978.044 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2022	13.215.786.658	52.861.000	13.268.647.658
Tại 31/12/2022	13.215.786.658	52.861.000	13.268.647.658
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2022	(3.295.893.878)	(52.861.000)	(3.348.754.878)
- Khấu hao trong kỳ	(383.986.824)	-	(383.986.824)
Tại 31/12/2022	(3.679.880.702)	(52.861.000)	(3.732.741.702)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2022	9.919.892.780	-	9.919.892.780
Tại 31/12/2022	9.535.905.956	-	9.535.905.956

(*) Quyền sử dụng đất khu công nghiệp Vĩnh Lộc A được Công ty thế chấp cho khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng vay số 0136/SGN.KHDN/LD21 ngày 16/5/2022.

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 9.535.905.956 đồng (tại 31/12/2021 là 9.919.892.780 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 52.861.000 đồng (tại 31/12/2021 là 52.861.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	Tại 31/12/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
- Nhà 6 tầng 138 Nguyễn Văn Trỗi	64.712.511	64.712.511
- Dây chuyền sản xuất Găng kiểm tra (GKT-02)	-	7.775.384.550
- Đai tu Dây chuyền sản xuất Găng phẫu thuật số 5	996.873.920	-
Cộng	1.061.586.431	7.840.097.061

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2022			Tại 01/01/2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	196.800.000	-	442.203.780	196.800.000	-	1.745.180.500
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	196.800.000	-	442.203.780	196.800.000	-	1.745.180.500
<i>Công ty Cổ phần SAM holdings (*)</i>	<i>196.800.000</i>	-	<i>442.203.780</i>	<i>196.800.000</i>	-	<i>1.745.180.500</i>
Cộng	196.800.000	-	442.203.780	196.800.000	-	1.745.180.500

(*) Tại ngày 31/12/2022, Công ty đang nắm giữ 73.578 cổ phiếu Công ty Cổ phần SAM holdings, chiếm tỷ lệ sở hữu 0.26%.

Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư là giá đóng cửa tại ngày 31/12/2022 của cổ phiếu Công ty Cổ phần SAM holdings có giá trị 6.010 đồng/Cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2022	8.774.339.702	8.774.339.702
Tại 31/12/2022	8.774.339.702	8.774.339.702
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Tại 01/01/2022	(146.238.995)	(146.238.995)
- Khấu hao trong năm	(1.253.477.100)	(1.253.477.100)
Tại 31/12/2022	(1.399.716.095)	(1.399.716.095)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2022	8.628.100.707	8.628.100.707
Tại 31/12/2022	7.374.623.607	7.374.623.607

Giá trị còn lại của tài sản cố định thuê tài chính dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 7.374.623.607 đồng (tại 31/12/2021 là 8.628.100.707 đồng).

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Ngắn hạn	2.467.731.979	2.780.637.416
- Lương nghỉ phép	-	255.612.000
- Chi phí hoa hồng chiết khấu	2.237.677.779	2.353.246.778
- Lãi vay dự trả	32.749.587	64.347.941
- Chi phí phải trả khác	197.304.613	107.430.697
Dài hạn	-	-
Cộng	2.467.731.979	2.780.637.416

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Ngắn hạn	958.714.299	540.892.480
- Công Đoàn Công ty CP Merufa	2.818.083	-
- Bảo hiểm y tế	212.850	-
- Tài sản giữ hộ nhà nước	84.686.320	84.686.320
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	354.170.469	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	516.826.577	380.189.577
- Bảo hiểm xã hội trả thay lương	-	41.635.000
- Phải trả, phải nộp khác	-	34.381.583
Dài hạn	252.000.000	499.970.469
- Nhận cầm cố, ký quỹ, ký cược	252.000.000	499.970.469
Cộng	1.210.714.299	1.040.862.949

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	3.948.999.625	3.948.999.625	4.982.760.130	4.982.760.130
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Sản xuất Thiên Anh Thụ	357.721.600	357.721.600	402.595.000	402.595.000
- Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Giấy Hùng Tuấn	523.263.883	523.263.883	779.062.350	779.062.350
- Công ty CP Bao Bì Tín Thành (BATICO)		-	132.945.491	132.945.491
- Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An	448.429.130	448.429.130	1.077.681.000	1.077.681.000
- Công ty TNHH Bao bì Thảo Việt	543.508.741	543.508.741	589.195.684	589.195.684
- Công ty TNHH Thiên Minh Phúc	406.485.605	406.485.605	2.530.000	2.530.000
- Công ty Cổ phần Quốc tế An Lộc Phát	103.494.000	103.494.000	-	-
- Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn khác	1.566.096.666	1.566.096.666	1.998.750.605	1.998.750.605
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	3.948.999.625	3.948.999.625	4.982.760.130	4.982.760.130
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	406.485.605	406.485.605	130.526.219	130.526.219
- Công ty TNHH Thiên Minh Phúc (Mua hàng hóa, dịch vụ)	406.485.605	406.485.605	2.530.000	2.530.000
- Công ty Cổ phần Transimex (Mua hàng hóa, dịch vụ)	-	-	127.996.219	127.996.219

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Tại 31/12/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	140.729.143	2.436.076.766
- Công ty TNHH Thiết bị & Vật tư Y tế Dongkuk	54.055.690	110.861.328
- Công ty TNHH Tư vấn và Phân phối Nam Dao Internationnal	41.945.000	41.945.000
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Phúc Thịnh	17.162.160	-
- Trung tâm Y tế thị xã Bình Long	15.578.000	-
- Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Vũ	-	809.457.600
- Alliance Gloves	-	739.622.400
- Công ty TNHH Dolphin Vũng Tàu	-	554.400.000
- Người mua trả tiền trước khác	11.988.293	179.790.438
Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
Cộng	140.729.143	2.436.076.766

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2022 VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Tại 01/01/2022 VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	3.037.998.323	3.037.998.323	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	596.575.126	5.146.657.186	3.464.219.157	2.279.013.155
- Thuế thu nhập cá nhân	384.125.904	1.668.381.949	1.725.497.157	327.010.696
- Thuế xuất nhập khẩu	-	21.814.649	21.814.649	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	186.665.071	186.665.071	-
- Các khoản phí, lệ phí	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	980.701.030	10.065.517.178	8.440.194.357	2.606.023.851

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2022		Trong năm		Tại 01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	26.495.498.329	26.495.498.329	104.550.010.363	112.276.098.522	34.221.586.488	34.221.586.488
Vay ngắn hạn	23.189.656.801	23.189.656.801	101.244.168.835	108.970.256.994	30.915.744.960	30.915.744.960
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Chi nhánh Sài Gòn (*)	23.189.656.801	23.189.656.801	101.244.168.835	108.970.256.994	30.915.744.960	30.915.744.960
Vay dài hạn đến hạn thanh toán	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Chi nhánh Sài Gòn (**)	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	2.105.841.528	2.105.841.528	2.105.841.528	2.105.841.528	2.105.841.528	2.105.841.528
- Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease (***)	2.105.841.528	2.105.841.528	2.105.841.528	2.105.841.528	2.105.841.528	2.105.841.528
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	6.429.309.277	6.429.309.277	-	3.305.841.528	9.735.150.805	9.735.150.805
Vay dài hạn	4.498.954.542	4.498.954.542	-	1.200.000.000	5.698.954.542	5.698.954.542
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Chi nhánh Sài Gòn (**)	4.498.954.542	4.498.954.542	-	1.200.000.000	5.698.954.542	5.698.954.542
Nợ thuê tài chính dài hạn	1.930.354.735	1.930.354.735	-	2.105.841.528	4.036.196.263	4.036.196.263
- Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease (***)	1.930.354.735	1.930.354.735	-	2.105.841.528	4.036.196.263	4.036.196.263
Cộng	32.924.807.606	32.924.807.606	104.550.010.363	115.581.940.050	43.956.737.293	43.956.737.293

(*) và (**): Đây là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng cấp tín dụng số 0136/SGN.KHDN/LD22 ngày 16/5/2022. Cụ thể như sau:

a. Vay ngắn hạn:

- Hạn mức tín dụng: 81.000.000.000 đồng; Trong đó, hạn mức tín dụng ngắn hạn: 70.000.000.000 đồng và dài hạn là 11.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay ngắn hạn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn vay ngắn hạn: 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân;
- Lãi suất vay ngắn hạn: theo từng lần giải ngân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

b. Vay dài hạn:

- Mục đích vay dài hạn: Bổ sung vốn trung dài hạn thực hiện Dự án Đầu tư dây chuyền sản xuất gang kiểm tra;
- Thời hạn vay dài hạn: 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân;
- Lãi suất vay dài hạn: Cố định trong 2 năm đầu và sau 2 năm thay đổi theo từng lần giải ngân.

Tài sản đảm bảo cho vay ngắn hạn và vay dài hạn bao gồm: Bất động sản bao gồm quyền sử dụng đất và bất động sản gắn liền với đất tại thửa đất số 61, Tờ bản đồ số 50, địa chỉ Lô C64/II, đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh.

Tiến độ thanh toán khoản vay dài hạn (Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Chi nhánh Sài Gòn)	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021
- Từ 1 năm trở xuống	1.200.000.000	1.200.000.000
- Năm thứ 2	1.200.000.000	1.200.000.000
- Từ năm 3 đến năm 5	3.298.954.542	4.498.954.542
Cộng	5.698.954.542	6.898.954.542
Nợ vay dài hạn đến hạn trả	1.200.000.000	1.200.000.000
Cộng	4.498.954.542	5.698.954.542

(***) Là khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng thuê tài chính số C211030102 ngày 19/11/2021 giữa Công ty Cổ phần Merufa và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease để thanh toán tiền mua lại tài sản là Dây chuyền nhúng tạo hình gang kiểm tra GKT-01 với lãi suất thả nổi, biên độ 2,63% ± lãi suất tiêu chuẩn được áp dụng cách tính lãi suất tiền gửi có cho khách hàng cá nhân có kỳ hạn 13 tháng, lãi nhận cuối kỳ của ba Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Tiến độ thanh toán khoản nợ thuê tài chính dài hạn	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021
- Từ 1 năm trở xuống	2.105.841.528	2.105.841.528
- Năm thứ 2	1.930.354.735	2.105.841.528
- Từ năm 3 đến năm 5	-	1.930.354.735
Cộng	4.036.196.263	6.142.037.791
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	2.105.841.528	2.105.841.528
Cộng	1.930.354.735	4.036.196.263

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam - CTCP	16,16%	5.940.000.000	16,16%	5.940.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	14,90%	5.475.000.000	13,94%	5.125.000.000
Bà Trần Nguyễn Thanh Mai	10,62%	3.905.000.000	10,62%	3.905.000.000
Ông Lâm Quốc Trung	6,59%	2.421.300.000	6,59%	2.421.300.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Văn hóa Việt	5,07%	1.862.000.000	4,69%	1.722.000.000
Ông Vũ Văn Minh	4,04%	1.485.000.000	4,04%	1.485.000.000
Ông Lưu Tiến Cáo	0,30%	111.380.000	0,30%	111.380.000
Ông Bùi Minh Tuấn	0,62%	226.850.000	0,62%	226.850.000
Ông Hoàng Hữu Phước	0,15%	55.000.000	0,15%	55.000.000
Ông Phạm Xuân Mai	3,14%	1.154.750.000	3,14%	1.154.750.000
Ông Phạm Kim Hải	2,72%	1.000.000.000	2,72%	1.000.000.000
Bà Trần Thị Thanh Thúy	1,20%	442.000.000	0,49%	179.000.000
Các cổ đông khác	34,38%	12.637.760.000	36,43%	13.390.760.000
Cổ phiếu quỹ	0,10%	38.000.000	0,10%	38.000.000
Cộng	100%	36.754.040.000	100%	36.754.040.000

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 36.867.230.000 đồng, chia thành 3.686.723 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Số Vốn thực góp nêu trên đang thấp hơn so với số vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 113.190.000 đồng, tương đương thiếu 11.319 cổ phiếu là số cổ phiếu lẻ chưa được xử lý khi phát hành cổ phiếu trong thời gian trước. Công ty đang tiếp tục làm việc với các bên liên quan để tìm giải pháp xử lý số vốn điều lệ góp thiếu nêu trên nhằm đảm bảo khớp đúng giữa số vốn thực góp so với số vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****23.2 BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ khác thuộc vốn CSH VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế VND	Cộng VND
Tại 01/01/2021	36.754.040.000	1.252.024.500	1.417.886.256	(38.000.000)	23.176.148.641	15.221.619.247	77.783.718.644
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	23.723.684.393	23.723.684.393
- Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(5.507.406.000)	(5.507.406.000)
- Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi trong năm	-	-	-	-	-	(2.739.511.289)	(2.739.511.289)
- Trích quỹ HĐQT trong năm	-	-	1.339.445.467	-	-	(1.339.445.467)	-
- Tăng/(giảm) khác trong năm	-	-	(862.952.620)	-	-	2.100.146.254	1.237.193.634
Tại 31/12/2021	36.754.040.000	1.252.024.500	1.894.379.103	(38.000.000)	23.176.148.641	31.459.087.138	94.497.679.382
Tại 01/01/2022	36.754.040.000	1.252.024.500	1.894.379.103	(38.000.000)	23.176.148.641	31.459.087.138	94.497.679.382
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	12.665.989.275	12.665.989.275
- Chia cổ tức trong năm (*)	-	-	-	-	-	(11.014.812.000)	(11.014.812.000)
- Trích quỹ Đầu tư phát triển (*)	-	-	-	-	9.871.453.712	(9.871.453.712)	-
- Trích quỹ HĐQT (*)	-	-	740.359.029	-	-	(740.359.029)	-
- Tăng/(giảm) khác trong năm (*)	-	-	(835.173.000)	-	-	(2.100.146.090)	(2.935.319.090)
Tại 31/12/2022	36.754.040.000	1.252.024.500	1.799.565.132	(38.000.000)	33.047.602.353	20.398.305.582	93.213.537.567

(*) Theo Biên bản họp ĐHCĐ thường niên năm 2022 số 101/BB-ĐHCĐ ngày 23/4/2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc phân chia lợi nhuận còn lại đến 31/12/2021 như sau: Phát hành cổ phiếu thưởng từ lợi nhuận là 1.273.046.859 đồng; Trả cổ tức bằng cổ phiếu là 5.507.406.000 đồng; Chia cổ tức bằng tiền là 11.014.812.000 đồng, trích lập các quỹ và bù đắp tiền thưởng vượt lợi nhuận đã chi trong năm 2021 với tổng số là 12.711.958.831 đồng.

Đến ngày 31/12/2022, Công ty chưa hoàn thành việc đổi giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi nên chưa thực hiện việc chia cổ phiếu thưởng từ lợi nhuận là 1.273.046.859 đồng và trả cổ tức bằng cổ phiếu là 5.507.406.000 đồng theo kế hoạch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

23.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	36.754.040.000	36.754.040.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	36.754.040.000	36.754.040.000
Lợi nhuận đã phân phối	11.014.812.000	5.507.406.000

23.4 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2022 Cổ phiếu	Tại 01/01/2022 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	3.675.404	3.675.404
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành	3.675.404	3.675.404
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	3.675.404	3.675.404
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	3.800	3.800
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	3.800	3.800
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.671.604	3.671.604
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	3.671.604	3.671.604
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

23.5 CÁC QUỸ THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Tại 31/12/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	33.047.602.353	23.176.148.641
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.799.565.132	1.894.379.103
- <i>Quỹ hỗ trợ kinh doanh</i>	1.021.044.883	943.231.540
- <i>Quỹ chính sách xã hội</i>	612.306.849	624.306.849
- <i>Quỹ Hội đồng quản trị</i>	166.213.400	326.840.714
Cộng	34.847.167.485	25.070.527.744

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****a) Tài sản nhận giữ hộ**

Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng tại 31/12/2022	Đơn vị gửi vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ
- Thành phẩm đã bán cho khách hàng			
+ Găng phẫu thuật tiết trùng số 6.5 Peeldown (240)	Đôi	5.000	Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức
+ Bao cao su Happy, hộp 144, size 52	Cái	69.120	Bệnh viện Từ Dũ
+ Găng Phẫu Thuật tiết trùng số 6.5 (STDM 185)	Đôi	10.800	Công ty TTYT Quảng Ngãi
+ Găng Phẫu Thuật tiết trùng số 7 (STDM 185)	Đôi	24.000	Công ty TTYT Quảng Ngãi
+ Bao cao su BUSS, ko hộp, không mùi, size 52	Cái	110.000	Công ty Cổ phần DP Thiết bị Y tế MIVURO- VIE FOMED
+ Găng kiểm tra dùng trong y tế size S (4.0)	Đôi	20.000	Công ty Nhật Minh
+ Găng kiểm tra dùng trong y tế size M (4.0)	Đôi	13.000	Công ty Nhật Minh
+ Găng y tế A1 số 8 SS	Đôi	3.600	Công ty Phương Nam
+ Găng y tế A2 số 7 SS	Đôi	2.400	Công ty Phương Nam
+ Găng y tế A2 số 7.5 SS	Đôi	6.000	Công ty Phương Nam
+ Găng Phẫu Thuật tiết trùng số 6.5 (STDM 185)	Đôi	32.800	Công ty Phương Nam
+ Găng Phẫu Thuật tiết trùng số 7 (STDM 185)	Đôi	40.000	Công ty Phương Nam
+ Găng Phẫu Thuật tiết trùng số 7.5 (STDM 185)	Đôi	8.000	Công ty Phương Nam
+ Găng kiểm tra dùng trong y tế size S (4.0)	Đôi	361.500	Công ty TNHH TBYT Nguyên Khương
+ Găng y tế size S (số 7.0) (MRF)	Đôi	3.000	Công ty TNHH TBYT Nguyên Khương
+ Găng kiểm tra không bột dùng trong y tế size M (4.0)	Đôi	19.000	Công ty TNHH TBYT Đức Ân
+ Bao cao su Happy Night ko mùi, hộp 5, size 53	Cái	3.900	Trung tâm tư vấn và Cung ứng dịch vụ
- Tài sản cố định của Công ty Big Lis Industrial Co., Ltd nhận giữ hộ:	USD	9.600	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

b) Ngoại tệ các loại

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	VND tương đương	Nguyên tệ (USD)	VND tương đương	Nguyên tệ (USD)
Ngoại tệ các loại				
Đô la Mỹ (USD)	34.542.871	1.455,66	2.023.149.809	89.480,31
Tỷ giá quy đổi	23.730,0		22.610,0	

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng	200.658.188.418	282.114.821.398
- Doanh thu cho thuê tài sản và gia công	1.650.454.547	2.859.410.696
Cộng	202.308.642.965	284.974.232.094
b. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	-	463.350.000
Cộng	-	463.350.000
Tổng cộng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	202.308.642.965	284.510.882.094

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn hàng bán	157.154.122.980	225.389.410.030
Giá vốn dịch vụ	76.164.660	598.658.188
Giá vốn hàng đã trích lập dự phòng	862.717.613	71.961.644
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.443.685.248	2.315.361.240
Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK	(362.870.979)	(19.865.098)
Cộng	163.173.819.522	228.355.526.004

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.867.606	14.183.190
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	213.201.725	513.800.490
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	9.267.753	-
Cộng	227.337.084	527.983.680

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	2.939.285.728	2.660.161.310
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	52.513.621	168.565.481
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	-	23.291.495
Chi phí tài chính khác	-	25.000.000
Cộng	2.991.799.349	2.877.018.286

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
a. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên bán hàng	2.835.621.522	3.690.172.172
- Chi phí vật liệu, bao bì	42.613.767	84.397.129
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	40.236.364	22.155.303
- Chi phí khấu hao TSCĐ	34.854.948	34.825.135
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.017.177.621	3.083.977.114
- Chi phí bằng tiền khác	1.520.733.962	2.147.250.958
Cộng chi phí bán hàng	7.491.238.184	9.062.777.811

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	6.435.711.471	7.877.769.088
- Chi phí vật liệu quản lý	314.172.547	219.022.375
- Chi phí đồ dùng văn phòng	195.558.050	254.348.021
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.032.885.967	912.162.214
- Thuế, phí và lệ phí	190.665.071	203.435.657
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(404.428.574)	(362.665.231)
- Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.332.393.352	1.052.621.862
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.787.520.476	1.635.432.480
- Chi phí bằng tiền khác	1.135.549.680	969.040.707
Cộng chi phí quản lý doanh nghiệp	13.020.028.040	12.761.167.173

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thanh lý TSCĐ	417.931.382	-
Thanh lý vật tư	-	14.263.371
Thu tiền phạt do vi phạm hợp đồng	564.400.000	17.600.000
Xử lý nhập lại kho do khách hàng gửi nhưng không lấy hàng	450.360.000	-
Các khoản khác	72.089.393	12.074.927
Cộng thu nhập khác	1.504.780.775	43.938.298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí khấu hao tài sản ngừng hoạt động	861.015.856	472.648.454
Chi phí phân bổ trong thời gian ngừng sản xuất	313.709.407	65.012.573
Phạt vi phạm hành chính, bồi thường	3.500.000	668.533
Lỗi từ thanh lý Tài sản cố định	7.354.239	954.278.582
Xử lý chi phí XD/CB tồn đọng lâu năm	-	528.665.732
Các khoản chi phí khác	48.087.795	59.689.654
Cộng chi phí khác	1.233.667.297	2.080.963.528

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.130.208.432	29.945.351.270
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập tính thuế	1.190.887.353	1.162.983.114
- Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ CCDC trong thời gian tạm ngừng sản xuất	1.147.221.813	524.092.452
- Xử lý chi phí XD/CB tồn đọng	-	528.665.732
- Phạt vi phạm hành chính	3.540.001	459.858
- Chi phí không được trừ khác	72.684.787	82.834.262
- Lãi/(Lỗ) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ cuối năm trước	(23.291.495)	3.639.315
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ cuối năm	(9.267.753)	23.291.495
Tổng thu nhập tính thuế	17.321.095.785	31.108.334.384
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.464.219.157	6.221.666.877

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	12.665.989.275	23.723.684.393
Số điều chỉnh tăng, giảm (VND)	-	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	12.665.989.275	23.723.684.393
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	3.671.604	3.671.604
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	3.450	6.461

(*) Theo quy định, việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu phải loại trừ số trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi, tuy nhiên do các quỹ này thường được trích vào năm sau và tùy thuộc vào kết quả kinh doanh và phương án phân phối lợi nhuận được Đại hội cổ đông Công ty thông qua vào năm tiếp theo. Vì vậy, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu hàng năm chưa trình bày ảnh hưởng của số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (nếu có).

34. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	12.665.989.275	23.723.684.393
Số điều chỉnh tăng, giảm (VND)	-	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	12.665.989.275	23.723.684.393
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	3.671.604	3.671.604
Số cổ phiếu Công ty dự định phát hành (*)	3.120.862	3.120.862
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	1.865	3.493

(*) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên 2021 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021, Công ty sẽ phát hành cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 70% (70:100) đồng thời sẽ thực hiện chia thêm cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% trên mệnh giá (tổng cộng là 85% trên số cổ phiếu hiện đang lưu hành). Vì vậy, tổng số cổ phiếu phổ thông Công ty dự kiến phát hành thêm để chia cổ tức và thưởng cổ phiếu lần lượt là 550.740 cổ phiếu và 2.570.122 cổ phiếu. Chi tiết như sau:

Kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu	Số tiền VND	Số CP phát hành thêm
a. Chia cổ phiếu thưởng 70% vốn hiện có:		
- Từ số dư chỉ tiêu "Thặng dư vốn cổ phần"	1.252.024.500	
- Từ số dư chỉ tiêu "Quỹ đầu tư phát triển"	23.176.148.641	
- Phần còn lại trừ vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối"	1.273.054.859	
Cộng	25.701.228.000	2.570.122
b. Chia Cổ phiếu thưởng tỷ lệ 15% vốn từ "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối"	5.507.406.000	550.740
Tổng cộng tương đương 85% vốn góp	31.208.634.000	3.120.862

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân công	31.679.956.023	36.389.409.634
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	126.041.763.434	175.403.661.881
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.596.060.299	4.260.962.907
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	6.628.779.047	1.415.733.708
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.544.853.461	12.580.571.129
Chi phí bằng tiền khác	3.061.838.804	3.816.401.166
Cộng	185.553.251.068	233.866.740.425

36. THÔNG TIN KHÁC

36.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

36.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

36.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

36.4 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thiết bị Y tế Minh Tâm	Công ty có cùng người là Chủ tịch HĐQT
- Công ty Cổ phần Transimex	Công ty có cùng thành viên HĐQT là ông Bùi Minh Tuấn
- Công ty TNHH Thiên Minh Phúc	Giám đốc Công ty này là cổ đông của Công ty
- Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản	Phó Tổng Giám đốc Công ty này là Trưởng ban kiểm soát của Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.4. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thiết bị Y tế Minh Tâm		
- Cho Công ty Minh Tâm vay	-	2.000.000.000
- Thu hồi tiền cho vay từ Công ty Minh Tâm	-	2.456.000.000
- Thu lãi cho vay	-	12.449.439

Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản

- Bán hàng trong năm	260.000.000	-
----------------------	-------------	---

Công ty TNHH Thiên Minh Phúc

- Mua hàng hóa, dịch vụ	2.516.003.860	237.491.000
-------------------------	---------------	-------------

Công ty Cổ phần Transimex

- Mua hàng hóa, dịch vụ	421.396.604	1.061.718.443
-------------------------	-------------	---------------

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng		
- Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản	58.800.000	-
Phải trả nhà cung cấp		
- Công ty TNHH Thiên Minh Phúc	406.485.605	2.530.000
- Công ty Cổ phần Transimex	-	127.996.219

Phải thu khách hàng

- Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản	58.800.000	-
--------------------------------	------------	---

Phải trả nhà cung cấp

- Công ty TNHH Thiên Minh Phúc	406.485.605	2.530.000
- Công ty Cổ phần Transimex	-	127.996.219

- Công ty Cổ phần Transimex	-	127.996.219
-----------------------------	---	-------------

	Tại 31/12/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Phải thu khác		
- Ông Lưu Tiến Cao	-	358.559.018
- Ông Hoàng Hữu Phước	-	163.104.481
- Bà Lê Vĩnh San San	-	104.404.365
	-	91.050.172

- Ông Lưu Tiến Cao	-	358.559.018
--------------------	---	-------------

- Ông Hoàng Hữu Phước	-	163.104.481
-----------------------	---	-------------

- Bà Lê Vĩnh San San	-	104.404.365
----------------------	---	-------------

	-	91.050.172
--	---	------------

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Thu nhập của Hội đồng Quản trị (*)	731.500.000	316.000.000
<i>Trong đó:</i>		
+ Ông Vũ Văn Minh	201.000.000	82.000.000
+ Ông Lưu Tiến Cao	130.500.000	54.000.000
+ Ông Bùi Minh Tuấn	125.500.000	54.000.000
+ Ông Hoàng Minh Dũng	102.000.000	36.000.000
+ Ông Vũ Chinh	102.000.000	36.000.000
+ Ông Phạm Xuân Mai	23.500.000	18.000.000
+ Ông Phạm Kim Hải	23.500.000	18.000.000
+ Bà Trần Thị Thanh Thúy	23.500.000	18.000.000
- Thu nhập của Ban Kiểm soát (*)	270.700.000	111.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.4. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Thu nhập của Ban Quản lý dự án (các thành viên của HĐQT, BKS, Ban TGĐ và Kế toán trưởng)	90.380.000	144.905.993
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (**)	2.273.219.861	2.017.984.442
Trong đó		
+ Ông Lưu Tiến Cáo	950.133.765	853.398.745
+ Ông Hoàng Hữu Phước	641.593.104	635.212.615
+ Bà Lê Vĩnh San San	681.492.992	529.373.082

(*) Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2022 tăng so với cùng kỳ năm 2021 là do trong năm 2022 Công ty có thanh toán tiền thưởng do vượt lợi nhuận năm 2020 là 155.500.000 đồng; Ban kiểm soát là 56.500.000 đồng.

(**) Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng năm 2022 tăng so với cùng kỳ năm 2021 là do trong năm 2022 Công ty có thanh toán tiền thưởng do vượt lợi nhuận năm 2020 là 330.059.018 đồng và chi tiền lương tháng 13 của năm 2022 là 165.110.559 đồng.

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Vĩnh San San

Lê Vĩnh San San



Lưu Tiến Cáo

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Số: 01/BC_BKS/MRF/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Căn cứ luật chứng khoán số 54/2009/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều lệ Công ty Cổ Phần Merufa;

Căn cứ và tình hình sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty niên độ tài chính từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn UHY- CN tại TP.HCM

I. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2022

1. Kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu VND

Nội dung	Kế hoạch 2022	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022/ KH2022	Năm 2022/ TH2021
1	2	3	4	5	6
Tổng doanh thu	296.330	202.308	284.974	68.3%	71%
Lợi nhuận trước thuế	22.030	16.130	29.945	73.2 %	53.9%
Lợi nhuận sau thuế	18.358	12.665	23.723	68.9%	53.4%
Lãi cơ bản trên CP(EPS)	4.994	3.446	6.455	69 %	53.4%
Cổ tức	30%	30%	30%		

Đánh giá về kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2022 là 202.308 triệu đồng, đạt 68.3 % so với kế hoạch và đạt 71 % so với cùng kỳ năm 2021.

- Lợi nhuận trước thuế thực năm 2022 là 16.130 triệu đồng, đạt 73.2 % so với kế hoạch, đạt 53.9 % so với cùng kỳ năm 2021.

- Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2022 là 12.665 đồng, đạt 68.9 % so với kế hoạch năm 2022, đạt 53.4% so với cùng kỳ năm 2021.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) năm 2022 là 3.446 đồng, năm 2021 là 6.455 đồng, giảm 3.009 đồng, tương đương 53.4% so với năm 2021

2. Tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tóm tắt)

Tại ngày 31/12/2022

TÀI SẢN	31/12/2022	31/12/2021	Ghi chú
A. Tài sản ngắn hạn	97.232.924.158	116.558.402.630	-16.6%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	8.596.321.987	7.323.331.310	17.4%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	35.022.297.734	41.891.565.317	-16.4%
IV. Hàng tồn kho	50.630.701.986	62.553.738.859	-19.0%
V. Tài sản ngắn hạn khác	2.983.602.451	4.789.767.144	-37.7%
B. Tài sản dài hạn	45.450.516.083	48.021.626.408	-5.4%
Tài sản cố định vô hình	9.535.905.956	9.919.892.780	-3,9%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (A+B)	142.683.440.341	164.580.029.038	-26,2%
NGUỒN VỐN			
C. Nợ phải trả	49.435.569.885	70.048.016.867	-29.4%
I. Nợ ngắn hạn	42.754.260.608	59.812.895.593	-28.5%
II. Nợ dài hạn	6.681.309.277	10.235.121.274	-34.7%
D. Vốn chủ sở hữu	93.247.870.356	94.532.012.171	1.4%
I. Vốn chủ sở hữu	93.213.537.567	94.497.679.382	1.3%
I. Vốn góp của chủ sở hữu (vốn điều lệ)	36.754.040.000	36.754.040.000	0%

TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (C+D)	142.683.440.341	164.580.029.038	-26.2%
----------------------------------	------------------------	------------------------	---------------

3. Một số chỉ tiêu tài chính

STT	CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ	Năm 2022	Năm 2021	Ghi chú
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	2.27	1.95	0.33
2	Tỷ lệ Nợ/Tổng tài sản	0.35	0.43	
3	Tỷ lệ Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.53	0.74	
4	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	8.9%	14.4%	-5.5 %
5	Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần (ROS)	6.3 %	8.3 %	-2 %
6	Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	13.6 %	25.1 %	-11.5 %
7	Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu (VNĐ)	25.361	25.711	-349

- Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2022 là 2.27 cho thấy khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty được đảm bảo. Hệ số thanh toán ngắn hạn 2022 của Công ty cao hơn so với cùng kỳ năm 2021 là 0.33

- Qua các hệ số nợ cho thấy tình hình nợ của Công ty là tương đối đảm bảo, an toàn so với tổng tài sản: tỷ lệ nợ trên tổng tài sản là 0.35 và tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu là 0.53.

- Tỷ suất LNST/Tổng TS (ROA) năm 2022 là 8.9% giảm 5.5% so với cùng kỳ năm 2021 là 14.4%

- Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần (ROS) năm 2022 là 6.3 %, giảm 2 % so với cùng kỳ năm 2021 (8.3 %).

- Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2022 là 13.6 %, giảm 11.5 % so với cùng kỳ năm 2021 25.1 %.

- Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu năm 2022 là 25.361 đồng/cp, năm 2021 là 21.711 đồng, giảm 349 đồng mỗi cổ phiếu.

II. Kết quả các hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban kiểm soát:

1. Đối với các hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đảm bảo chế độ họp định kỳ theo đúng quy định và các cuộc họp đột xuất khi có nhu cầu, đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình và ban hành các Nghị quyết theo đúng thẩm quyền, tuân thủ Điều lệ Công ty và pháp luật của Nhà nước.

- Chỉ đạo kịp thời và giám sát chặt chẽ Ban điều hành trong thực hiện nhiệm vụ điều hành sản xuất kinh doanh, thực hiện đúng Nghị quyết mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Đối với các hoạt động của Ban điều hành:

- Ban điều hành đã tích cực theo dõi thu hồi công nợ đúng hạn, hạn chế rủi ro nợ xấu cho Công ty bằng cách đã thu hồi nợ dài hạn.

- Đã đảm bảo tính ổn định về năng suất và chất lượng sản xuất các dây chuyền, cải tiến công nghệ và quy trình sản xuất.

- Cân đối dòng tiền, sử dụng hiệu quả vốn vay, lưu ý vấn đề công nợ, hạn chế rủi ro công nợ xấu.

3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông:

- Các cuộc họp trực tiếp của HĐQT đều có thông báo đến Ban kiểm soát, Biên bản họp và Nghị quyết của HĐQT trong năm 2022 được gửi đầy đủ đến Ban kiểm soát.

- Các Quyết định và tài liệu quan trọng do Công ty phát hành được gửi đầy đủ đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo cách như đối với thành viên HĐQT.

- Trong năm Công ty đã hoàn thành 1 phần chia cổ tức theo NQ ĐHĐCĐ 2022 như sau: chia cổ tức 30% bằng tiền chia thành 02 đợt: 02/2022 và tháng 08/2022. Chia cổ phiếu thưởng 70% và 15% cổ tức bằng cp năm 2020 (chưa hoàn thành) do có chênh lệch 11.319 cp giữa giấy phép kinh doanh và số liệu thể hiện trên báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty.

- Quyền tiếp cận thông tin của Ban kiểm soát được đảm bảo.

- Trong năm 2022 không có kiến nghị, yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào từ phía cổ đông.

- Công ty chưa hoàn thành đổi giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

III. Hoạt động của Ban kiểm soát (“BKS”):

- Kiểm tra, giám sát việc quản lý và thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty và Ban điều hành.

- Tham gia các buổi họp của HĐQT, xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Tổng giám đốc trong công tác quản lý.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2022

- Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, bao gồm các nghĩa vụ thuế, chế độ bảo hiểm, quyền lợi cho người lao động và các nghĩa vụ tài chính khác.

Bám sát với NQ ĐHĐCĐ năm 2022, Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát; nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Thù lao của Ban Kiểm soát năm 2022 là 214.200.000 đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng tiền thù lao năm 2021 (đồng)	Ghi chú
1	Nguyễn Kim Hậu	Trưởng ban	97.000.000	
2	Lê Minh Tuấn	Thành viên	58.600.000	
3	Trương Thị Thanh Thủy	Thành viên	58.600.000	
	Tổng cộng		214.200.000	

Trên đây là Báo cáo của năm 2022 Ban kiểm soát.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Lưu VT.



BÁO CÁO KIỂM ĐIỂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi: -Đại hội đồng Cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, do Quốc hội Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ban hành, số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần MERUFA, do Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 23/04/2022;

Kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

STT No.	Kỳ họp	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate	Tình hình thực hiện The implementation
1	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	102/NQ-ĐHĐCĐ	23/04/2022	<p>Điều 1: Đại hội đồng Cổ đông thông qua các báo cáo tại Đại hội bao gồm:</p> <p>1.1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Tổng Giám đốc;</p> <p>1.2. Báo cáo Tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY;</p> <p>1.3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022;</p> <p>1.4. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022, trong đó Doanh thu là: 296.330 triệu đồng, lợi nhuận trước thuế là 22.030 triệu đồng;</p> <p>1.5. Báo cáo tiến độ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%), phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu và cổ phiếu và chuyển sản giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX.</p> <p>Điều 2: Đại hội đồng Cổ đông thông qua các tờ trình báo cáo tại Đại hội bao gồm:</p> <p>2.1. Tờ trình thông qua các báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban TGD;</p> <p>2.2. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính 2021 đã kiểm toán;</p> <p>2.3. Tờ trình phân phối lợi nhuận 2021: chi trả cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 30% bằng tiền mặt, 15% bằng cổ phiếu.</p>	100%	<p>Điều 1: Điểm 1.1 Kết quả thực hiện năm 2022 doanh thu đạt hơn 202,3 tỷ đồng, đạt 68,3%/Kế hoạch năm và 71,1% so với cùng kỳ năm 2021, lợi nhuận trước thuế đạt 16,1 tỷ đồng, đạt 73,1 % Kế hoạch năm, 53,9 % so với cùng kỳ;</p> <p>Điểm 1.2, 1.3 đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.</p> <p>Điểm 1.4 xem điểm 1.1</p> <p>Điểm 1.5 chưa thực hiện được vì đang thực hiện điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</p> <p>Điều 2: Điểm 2.1 và 2.2 đã thông qua.</p> <p>Điểm 2.3 Công ty đã chia cổ tức 30% bằng tiền mặt theo NQ ĐHĐCĐ 2022.</p>
				Số tiền HĐQT đề xuất.	Số tiền ĐHĐCĐ thông qua	
				Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (1+2)	31,459,087,138	31,459,087,138

STT	Nội dung	Số tiền HDQT đề xuất	Số tiền ĐHCĐ thông qua
1	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối lũy kế đến cuối năm 2020 (MS 421a - BCĐKT)	7,735,402,745	7,735,402,745
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 (MS 421b - BCĐKT)	23,723,684,393	23,723,684,393
II	Phát hành cổ phiếu thưởng (70% x VCP) (Tổng số cổ phiếu thưởng tương đương số liên: 25.701.220.000 đồng. Trích từ nguồn: (1) Quỹ đầu tư phát triển: 23.176.148.641 đồng; (2) Thặng dư vốn cổ phần: 1.252.024.500 đồng; (3) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 1.273.046.859 đồng)	1,273,046,859	1,273,046,859
III	Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu (15% x VCP) [36.716.040.000 x 15%]	5,507,406,000	5,507,406,000
IV	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức năm 2021 (I-II-III)	24,678,634,279	24,678,634,279
V	Phân phối lợi nhuận (1+2)	22,860,556,454	23,726,770,830
1	Chi cổ tức năm 2021 (30% x VCP) [36.716.040.000 x 30%]	11,014,812,000	11,014,812,000
2	Trích lập các quỹ:	11,845,744,454	10,611,812,740
2.1	Quỹ đầu tư phát triển (40% x LNST)	11,105,385,426	9,871,453,712
2.2	Quỹ hỗ trợ kinh doanh (1% x LNST)	246,786,343	246,786,343
2.3	Quỹ Hội đồng quản trị (2% x LNST)	493,572,686	493,572,686
2.4	Quỹ Phúc lợi và Quỹ Khen thưởng (0% x LNST)	0	0
2.5	Tiền thưởng vượt lợi nhuận năm 2020		2,100,146,090
VI	Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2021 (IV-V)	1,818,077,825	951,863,449
<p>2.4. Tờ trình thông qua chi tiêu Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2022 (trong đó có tức 30% vốn điều lệ tính đến ngày 23/04/2022);</p>			

I	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (I+2)	19,442,077,825	18,575,863,449
1	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối lũy kế đến cuối năm 2021 (MS 421a - BCĐKT)	1,818,077,825	951,863,449
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2022 (MS 421b - BCĐKT)	17,624,000,000	17,624,000,000
II	Phân phối lợi nhuận (I+2)	17,430,697,682	17,144,846,938
1	Chi cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt (30% x VCP) [36.716.040.000 x 30%]	11,014,812,000	11,014,812,000
2	Trích lập các quỹ:	6,415,885,682	6,130,034,938
2.1	Quỹ đầu tư phát triển (30% x LNST)	5,832,623,348	5,572,759,035
2.2	Quỹ hỗ trợ kinh doanh (1% x LNST)	194,420,778	185,758,634
2.3	Quỹ Hội đồng quản trị (2% x LNST)	388,841,557	371,517,269
2.4	Quỹ Phúc lợi và Quỹ Khen thưởng (0% x LNST)	0	0
III	Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2022 (I-II)	2,011,380,143	1,431,016,511

2.5. Tờ trình thông qua báo cáo của Ban kiểm soát năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022;

2.6. Thông qua tờ trình của Ban kiểm soát về việc "lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022", Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị đánh giá lựa chọn đơn vị kiểm toán và chi đạo triển khai thực hiện.

Điều 3: Thông qua Tờ trình số 95/TT-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2022 về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%) và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu (70%).

Điều 4: Thông qua tờ trình số 96/TT-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2022 chuyển sản giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX. Đại hội ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tổ chức thực hiện, quyết định thời điểm hoàn thành thủ tục liên quan đến việc chuyển giao dịch cổ phiếu MRF từ UPCOM lên HNX.

Điều 5: Thông qua Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần MERUFA.

Điều 6: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần MERUFA.

Điều 2.5 đã thông qua.
 Điều 2.6 Công ty đã ký hợp đồng với Cty TNHHH Kiểm toán và tư vấn UHY - CN tại TPHCM ngày 27/06/2022.

Điều 3: Chưa thực hiện được việc chia cổ tức bằng cổ phiếu 15% và chia cổ phiếu thưởng 70% sẽ thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2022 nhưng vẫn chưa thực hiện được do việc thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vẫn chưa hoàn thành.

Điều 4: Chưa thực hiện được do chưa điều chỉnh xong giấy ĐKKD.

Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều

Điều 7: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần MERUFA.
 Điều 8: Thông qua tờ trình về thủ lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thủ ký Hội đồng quản trị.
 Điều 9: Thông qua Tờ trình về điều chỉnh vốn điều lệ bằng vốn thực góp. Trong đó:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Vốn điều lệ	Vốn thực góp	Chênh lệch	Ghi chú
A	B	1	2	3 = 1-2	4
1	Số vốn điều lệ trên giấy ĐKKD lần 7	36.867.230.000	36.754.040.000	113.190.000	
2	Số vốn điều lệ xin Đại hội điều chỉnh:	36.754.040.000	36.754.040.000	0	
	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua	36.754.040.000	36.754.040.000		

Điều 10: Thông qua tờ trình Không thu hồi khoản chi thường vượt KH Lợi nhuận 2020 của CBCNV là 1.826.213.970 đồng (bằng chữ: Một tỷ, tám trăm hai mươi sáu triệu hai trăm mười ba nghìn chín trăm bảy mươi đồng.) và Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành, Ban Thư ký là 273.932.120 đồng (bằng chữ: Hai trăm bảy mươi ba triệu chín trăm ba mươi hai nghìn một trăm hai mươi đồng.) theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐQT ngày 27/8/2021 của Hội đồng quản trị.

Điều 11: Thông qua tờ trình thủ lao HĐQT, BKS, thư ký năm 2022 (kèm tờ trình đã sửa lại thủ lao của TV BKS), áp dụng từ tháng 05/2022.

Điều 12: Tờ trình thông qua Báo cáo chia thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thủ ký Hội đồng quản trị năm 2022.

Điều 13: Đại hội đồng cổ đông thông nhất giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 một cách triệt để và hiệu quả theo đúng Pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần MERUFA.

Quyết nghị này đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và hiệu lực kể từ ngày ký./.

Kính trình HĐQT xem xét thông qua.
 Trân trọng./.

Nơi gửi:
 - Như trên;
 - Lưu Thư ký.

TPHCM ngày 28 tháng 03 năm 2023

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN

MERUFA

C. I. C. P * HNINHO

Ks. Vũ Văn Minh

Q. PHỤ NHUẬN - TP.

8 đã ban hành và đang thực hiện.

Điều 9: Chưa thực hiện xong do Sở KHĐT TP.HCM yêu cầu điều chỉnh vốn góp bị sai và nộp lại Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ. Sẽ trình lại vào ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 đã thực hiện.





SINCE 1987

Số: 117/TT-ĐHĐCĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

“Về việc thông qua các Báo cáo của HĐQT, TGD”

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần MERUFA

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Merufa;
- Căn cứ vào Báo cáo quyết toán tài chính 2022 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn UHY.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Merufa kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

1. Báo cáo của HĐQT năm 2022; KH 2023 và định hướng phát triển.
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

(Các báo cáo đính kèm theo tờ trình này)

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)



Ks. VŨ VĂN MINH



SINCE 1987

Số: 118 /TT-ĐHĐCĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

“Về việc thông qua Báo cáo tài chính 2022
đã kiểm toán”

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần MERUFA

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Merufa;
- Căn cứ vào Báo cáo quyết toán tài chính 2022 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Merufa kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

Nội dung toàn bộ Báo cáo quyết toán tài chính 2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán (kèm theo tờ trình này).

Kết quả kinh doanh là:

- + Doanh thu thuần năm 2022: 202.308.642.965 đồng;
- + Lợi nhuận kế toán trước thuế: 16.130.208.432 đồng;

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

(Ký lên và đóng dấu)



Ks. VŨ VĂN MINH



CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA
 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
 Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
 Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
 Website: www.merufa.com.vn; www.merufa.com; Email: merufa@merufa.vn
 ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

Số: H6/TT-DHĐCĐ

Tp.Hồ Chí Minh ngày 28 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH “V/v phân phối lợi nhuận năm 2022”

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần MERUFA

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Merufa;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 101/BB-DHĐCĐ ngày 23/4/2022;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 102/NQ-DHĐCĐ ngày 23/4/2022;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

- Căn cứ Biên

Đv tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
I	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (1+2)	20,398,305,582
1	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối lũy kế đến cuối năm 2021 (MS 421a – BCDKT)	7,732,316,307
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2022 (MS 421b – BCDKT)	12,665,989,275
II	Phát hành cổ phiếu thưởng (70% x VCP) <i>(Tổng số cổ phiếu thưởng tương đương số tiền: 25.701.220.000 đồng. Trích từ nguồn: (1) Quỹ đầu tư phát triển: 24.449.195.500 đồng; (2) Thặng dư vốn cổ phần: 1.252.024.500 đồng; (3) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 0 đồng)</i>	
III	Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu (15% x VCP) [36.716.040.000 x 15%]	5,507,406,000
IV	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu (I-II-III)	14,890,899,582
V	Phân phối lợi nhuận (1+2)	13,695,173,925
1	Chi cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt (30% x VCP) [36.716.040.000 x 30%]	11,014,812,000
2	Trích lập các quỹ:	2,680,361,925
2.1	Quỹ đầu tư phát triển (15% x LNST)	2,233,634,937
2.2	Quỹ hỗ trợ kinh doanh (0% x LNST)	
2.3	Quỹ Hội đồng quản trị (3% x LNST)	446,726,987
2.4	Quỹ Phúc lợi và Quỹ Khen thưởng (0% x LNST)	
VI	Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại cuối năm 2022 sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức (IV-V)	1,195,725,657

Ghi chú: Vốn cổ phần (VCP) là 36.754.040.000 đồng – Cổ phiếu quỹ: 38.000.000 đồng = 36.716.040.000 đồng (3.671.604 cổ phiếu).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua
 Trân trọng cảm ơn.





CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA
38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; www.merufa.com; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

Số: 180/TT-DHDCD

Tp.Hồ Chí Minh ngày 28 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH
“V/v kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023”

Kính gửi: - ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Merufa;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2023.

Dv tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
I	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (1+2)	11,176,093,657
1	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối lũy kế đến cuối năm 2022 (MS 421a – BCĐKT)	1,195,725,657
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2023 (MS 421b – BCĐKT)	9,980,368,000
II	Phân phối lợi nhuận (1+2)	9,243,143,922
1	Chi cổ tức năm 2022 (20% x tính theo số vốn điều lệ tại báo cáo tài chính năm 2022) [36.716.040.000 x 20%]	7,343,208,000
2	Trích lập các quỹ:	1,899,935,922
2.1	Quỹ đầu tư phát triển (10% x LNST)	1,117,609,366
2.2	Quỹ hỗ trợ kinh doanh (2% x LNST)	223,521,873
2.3	Quỹ Hội đồng quản trị (5% x LNST)	558,804,683
2.4	Quỹ Phúc lợi và Quỹ Khen thưởng (0% x LNST)	-
III	Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại cuối năm 2023 sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức (I-II)	1,932,949,736

Ghi chú: Vốn cổ phần (VCP) là 36.754.040.000 đồng – Cổ phiếu quỹ: 38.000.000 đồng = 36.716.040.000 đồng (3.671.604 cổ phiếu).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn.



Ks. Vũ Văn Minh



SINCE 1987

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; www.merufa.com; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

Số: 03/TTr- BKS

Tp.Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

"V/V Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát"

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty CP MERUFA

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2022/QH 14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào Luật chứng khoán số 54/2019/QH ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Thông tư số 116/2022/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP MERUFA;

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần MERUFA, kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua:

1. Báo cáo của Ban Kiểm Soát năm 2022; Kế hoạch năm 2023.
2. Thông qua tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023

(Các báo cáo đính kèm theo tờ trình này)

Đề nghị Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi gửi:

- Như trên.
- HĐQT.
- Lưu BKS, VT.





CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; www.merufa.com; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

Số: 02/BC_BKS/MRF/2023

Tp.Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN **Thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính năm 2023**

- Căn cứ vào Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP MERUFA;

Việc lựa chọn Công ty kiểm toán do Đại hội đồng thường niên quyết định và cần thỏa mãn các điều kiện sau:

- Được ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức.
- Trung thực và đề cao đạo đức nghề nghiệp, có uy tín để tăng cường mức độ tin nhiệm cũng như sự tin tưởng của người đọc báo cáo tài chính.
- Tư vấn, hỗ trợ MERUFA trong việc hoàn thiện bộ máy kế toán cũng như công việc hạch toán kế toán.
- Chi phí kiểm toán hợp lý.

Theo tiêu chuẩn ở trên nhằm đáp ứng những yêu cầu trên, Ban kiểm soát kính trình Hội đồng quản trị và đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát lựa chọn 01 trong 04 Công ty kiểm toán sau, để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

- 1) Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Địa chỉ: Tòa nhà Galaxy, 02 Trường Sơn, Phường 2, Q. Tân Bình, Tp.HCM
SĐT: 028.35472972
- 2) Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
Địa chỉ: Lầu 3 Tòa nhà Galaxy 9, Số 09 Nguyễn Khoái, Q.4, Tp.HCM
SĐT: 028.39450606/0505
- 3) Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam
Địa chỉ: Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, Tp.HCM
SĐT: 02838275026
- 4) Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - CN tại Tp.HCM
Địa chỉ: 63b Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM
SĐT: 028.34999222

Kính trình đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi gửi:

- Cổ đông (thông qua đại hội);
- Hội đồng quản trị;
- Các thành viên Ban Kiểm soát.





SINCE 1987

Số: 149/TT-DHĐCD

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

*“Về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và
phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu”*

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần MERUFA

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Merufa;
- Căn cứ nhu cầu thực tế của Công ty cổ phần Merufa.

Hội đồng Quản trị (“HDQT”) Công ty Cổ phần Merufa kính trình Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCD”) thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Merufa
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
4. Vốn điều lệ đăng ký: 36.867.230.000 đồng
5. Vốn điều lệ thực góp: 36.754.040.000 đồng
6. Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 3.675.404 cổ phiếu

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 3.671.604 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 3.800 cổ phiếu

7. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến:

- Vốn điều lệ thực góp trước phát hành : 36.716.040.000 đồng
- Vốn điều lệ dự kiến tăng : 31.208.620.000 đồng

Trong đó:



- Số vốn điều lệ dự kiến tăng để phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 (15%) : 5.507.400.000 đồng
- Số vốn điều lệ dự kiến tăng để phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (70%) : 25.701.220.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau khi phát hành dự kiến : 67.962.660.000 đồng

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỤ THỂ

A. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022

1. **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông. Thời điểm chốt danh sách được HĐQT ủy quyền cho HĐQT quyết định.
2. **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 550.740 cổ phiếu.
3. **Giá trị phát hành tính theo mệnh giá:** 5.507.400.000 đồng (Bằng chữ: năm tỷ năm trăm lẻ bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).
4. **Tỷ lệ số lượng cổ phiếu phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/ số lượng cổ phiếu đang lưu hành):** 15%
5. **Tỷ lệ thực hiện quyền:** 100:15 Cứ một cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền nhận thêm cổ phiếu. Cứ 100 quyền sẽ được nhận thêm 15 cổ phiếu mới phát hành thêm.
6. **Nguồn vốn:** Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.
7. **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ:** Số cổ phiếu phát hành thêm cho mỗi cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 105 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 100:15, cổ đông A được nhận $(105/100 \times 15 = 15,75)$ 15 cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông A được nhận thêm 15 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu lẻ thập phân 0,75 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.
8. **Thời gian thực hiện:** Thời gian dự kiến phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ thực hiện cùng 01 thời điểm trong năm 2023 (cùng ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền), sau khi Ủy ban chứng khoán nhà nước ("UBCKNN") thông báo nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành.
9. **Đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung:** Số cổ phần phát hành để trả cổ tức sẽ được đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sau khi có thông báo của UBCKNN về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả phát hành.
10. **Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ:** Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ tại Điều lệ công ty và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh sau khi có thông báo của UBCKNN về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả phát hành.



B. Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

- Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông. Thời điểm chốt danh sách được ĐHĐCD ủy quyền cho HĐQT quyết định.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 2.570.122 cổ phiếu.
- Giá trị phát hành tính theo mệnh giá:** 25.701.220.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ bảy trăm lẻ một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*).
- Tỷ lệ số lượng cổ phiếu phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/ số lượng cổ phiếu đang lưu hành):** 70%
- Tỷ lệ thực hiện quyền:** 10:7 Cứ một cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền nhận thêm cổ phiếu. Cứ 10 quyền nhận cổ phiếu sẽ nhận được thêm 7 cổ phiếu mới phát hành thêm.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ:** Số cổ phiếu phát hành thêm cho mỗi cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 104 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 10:7, cổ đông A được nhận $(104/10*7 = 72,80)$ 72 cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông A được nhận thêm 72 cổ phiếu mới. Số phần lẻ thập phân là 0,80 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.
- Nguồn vốn phát hành:** Thặng dư vốn cổ phần và Quỹ đầu tư phát triển theo Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Merufa. Chi tiết như sau:
 - Thặng dư vốn cổ phần: 1.252.024.500 đồng
 - Quỹ đầu tư phát triển: 24.449.195.500 đồng
- Thời gian thực hiện:** Thời gian dự kiến phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ thực hiện cùng 01 thời điểm trong năm 2023 (cùng ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền), sau khi UBCKNN thông báo nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành.
- Đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung:** Số cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngay sau khi hoàn tất việc phát hành phù hợp với quy định pháp luật.
- Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ:** Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ tại Điều lệ công ty và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh sau khi có công văn của UBCKNN về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả phát hành.

III. Ủy quyền HĐQT

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc phát hành như sau:

- Triển khai phương án phát hành, lựa chọn thời điểm phát hành, thực hiện các thủ tục cần thiết với các cơ quan chức năng để đăng ký phát hành, đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch

- bổ sung số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ và sửa đổi Điều lệ Công ty sau khi hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.
 - Chủ động xây dựng phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.
 - Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện Phương án phát hành như trên và thay đổi thời gian thực hiện phù hợp với tình hình thực tế.
 - Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo tình hình thực tế của Doanh nghiệp hoặc theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan chức năng khác, hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan (nếu có).
 - Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh sau khi có thông báo của UBCKNN về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả phát hành.
 - Các vấn đề khác có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu nhằm đảm bảo cho đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ được thành công.
 - Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc vụ thể nêu trên.

Nơi nhận:

- ĐHDCD;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH





SINCE 1987

Số: 150 /TT-ĐHĐCĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

“Về việc Chuyển sàn giao dịch cổ phiếu từ đăng ký giao dịch (UPCoM) sang đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)”

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần MERUFA

- Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Merufa.

Hiện nay, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Merufa đang được giao dịch trên hệ thống UPCoM với mã chứng khoán MRF. Để tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, nâng cao hình ảnh, quảng bá thương hiệu Công ty trên thị trường và đảm bảo quyền lợi tối đa cho cổ đông, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch chuyển sàn giao dịch cổ phiếu MRF của Công ty cổ phần Merufa từ đăng ký giao dịch sang đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

- Hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu MRF của Công ty Cổ phần Merufa và chuyển sang đăng ký niêm yết cổ phiếu MRF tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội khi Công ty đáp ứng đủ điều kiện niêm yết theo quy định pháp luật, cụ thể như sau:
 - Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Merufa
 - Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
 - Mã cổ phiếu: MRF
 - Số lượng cổ phiếu hủy đăng ký giao dịch chuyển sang đăng ký niêm yết tại SGĐCK Hà Nội: toàn bộ số lượng cổ phiếu MRF tại thời điểm đăng ký niêm yết cổ phiếu tại SGĐCK Hà Nội.
 - Thời gian thực hiện: Dự kiến trong năm 2023.



- Giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm triển khai thực hiện cụ thể, hoàn thiện hồ sơ thủ tục liên quan và quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc thực hiện chuyển nhượng giao dịch cổ phiếu từ đăng ký giao dịch sang đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)



Ks. VU VĂN MINH



CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 151.../TT-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)

Kính gửi: - Đại hội Đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Merufa;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ Phần Merufa được Sở Kế Hoạch Đầu Tư Tp.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/01/2003. Kính trình Đại Hội đồng cổ đông xem xét để thực hiện giảm vốn điều lệ, công ty cụ thể:

1. Giảm vốn điều lệ do góp không đủ vốn:

Doanh nghiệp đã thực hiện việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp qua nhiều lần, tuy nhiên đã có sự sai sót. Cụ thể như sau:

Lần thứ 1: tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 (Hai mươi tỷ) đồng lên 33.527.330.000 (Ba mươi ba tỷ năm trăm hai mươi bảy triệu ba trăm ba mươi nghìn) đồng.

Lần thứ 2: cập nhật địa chỉ địa điểm kinh doanh.

Lần thứ 3: tăng vốn từ 33.527.330.000 (Ba mươi ba tỷ năm trăm hai mươi bảy triệu ba trăm ba mươi nghìn) đồng lên 36.867.230.000 (Ba mươi sáu tỷ tám trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm ba mươi nghìn) đồng

Lần thứ 4: thay đổi người đại diện pháp luật

Lần thứ 5: hiệu đính giấy phép

Lần thứ 6: thay đổi người đại diện pháp luật

Lần thứ 7: thay đổi người đại diện pháp luật

Lần thứ 8: thay đổi người đại diện pháp luật

Tuy nhiên, tại lần thay đổi lần thứ 1, Công ty Cổ phần Merufa đã thực hiện tăng vốn với vốn điều lệ đăng ký là 33.527.330.000 (Ba mươi ba tỷ năm trăm hai mươi bảy triệu ba trăm ba mươi nghìn) đồng, nhưng vốn điều lệ thực góp chỉ là 33.414.140.000 (Ba mươi ba tỷ bốn trăm mười bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng. Số vốn chênh lệch là 113.190.000 (Một trăm mười ba triệu một trăm chín



mười nghìn) đồng. Hết thời hạn góp vốn, Cổ đông của Công ty Cổ phần Merufa không thực hiện việc thanh toán mua cổ phần như đã đăng ký.

Tại các lần thay đổi tiếp theo, công ty kê khai danh sách cổ đông theo số vốn tại vốn điều lệ mà không thực hiện kê khai theo số vốn thực góp của công ty.

2. Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

- Giảm vốn điều lệ từ 36.867.230.000 (Ba mươi sáu tỷ tám trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) đồng thành 36.754.040.000 đồng (Ba mươi sáu tỷ bảy trăm năm mươi bốn triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).
- Số vốn giám là: 113.190.000 đồng (Một trăm mười ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng)
- Lý do giảm vốn: Giảm đúng thực tế là số vốn cổ đông không góp tại lần điều chỉnh đăng ký doanh nghiệp lần thứ 1.

3. Sửa đổi điều 6 điều lệ công ty:

Điều 6 Điều lệ công ty thay đổi như sau:

- Vốn điều lệ của công ty là: 36.754.040.000 đồng (Ba mươi sáu tỷ bảy trăm năm mươi bốn triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng), trong đó:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.675.404 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng (Ghi bằng chữ: Mười nghìn đồng)/01 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc điều chỉnh vốn điều lệ để làm cơ sở thông báo điều chỉnh nội dung đăng ký doanh nghiệp như trên.

Kính trình Đại hội Đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi gửi:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu Thư ký.





SINCE 1987

Số: 152/TT-ĐHDCĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

“Về việc thông qua giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan”

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần MERUFA

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Thông tư hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (gọi tắt là: Thông tư 96);
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Merufa;

Nay Công ty CP Merufa xin trình lên Đại hội đồng Cổ đông Công ty về việc thông qua các giao dịch giữa Công Ty với các bên có liên quan của người nội bộ theo danh sách như sau:

Điều 1: Đối tượng ký kết:

STT	Tên Công ty	Người nội bộ/liên quan	Chức vụ
1.	Công ty TNHH TBYT Minh Tâm	Vũ Văn Minh	Giám đốc
2.	Công ty CP Giấy Việt	Vũ Văn Minh	Giám đốc
3.	Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Haneco	Vũ Chinh	Chủ tịch HĐQT/Giám đốc
4.	Tổng Công ty TBYT Việt Nam (VINAMED)	Hoàng Minh Dũng	Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc
5.	CTCP Đầu tư Vina	Bùi Minh Tuấn	Giám đốc
6.	CTCP Transimex (TMS)	Vũ Chinh Bùi Minh Tuấn Nguyễn Kim Hậu	Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT Thành viên ban kiểm soát
7.	CTCP XNK và ĐT Chợ Lớn (CLX)	Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
8.	CTCP Vinaprint (VPR)	Bùi Minh Tuấn Nguyễn Kim Hậu	Thành viên HĐQT Quyền Tổng Giám đốc
9.	Công ty CP Thương mại Phú Nhuận (PNG)	Bùi Minh Tuấn Nguyễn Kim Hậu	Thành viên HĐQT Thành viên BKS
10.	Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn (GMC)	Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
11.	CTCP Đầu tư Vina	Nguyễn Kim Hậu	Kế toán trưởng
12.	CTCP Vinaprint	Nguyễn Kim Hậu	Phó Giám đốc
13.	CTCP Thủy Đặc Sản	Nguyễn Kim Hậu	Phó Tổng Giám đốc

Nội dung ký kết các hợp đồng, giao dịch bao gồm: **Hợp đồng mua bán, giao dịch, dịch vụ,...** và các **hợp đồng có phát sinh lợi ích** theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

Điều 2: Ủy quyền cho Tổng Giám đốc thông qua chủ trương, quyết định ký kết hợp đồng giao dịch với các đơn vị có liên quan trên, với hạn mức không quá 4.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ đồng chẵn).

**Đề nghị ĐHĐCD công ty xem xét và thông qua.
Trân trọng./.**

Nơi gửi:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu TK HĐQT, VT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT
(Ký tên và đóng dấu)

VU VĂN MINH





SINCE 1987

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

Số: 118/TT-ĐHĐCĐ

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

“Về việc thông qua các Báo cáo chia thưởng năm 2022
(vào dịp tết nguyên đán năm 2023)”

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần MERUFA

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Merufa;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Merufa kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc trích thưởng chia thưởng năm 2022 (vào dịp tết nguyên đán năm 2023) cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Thư ký HĐQT số tiền: 138.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm ba mươi tám triệu đồng chẵn./.).

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Thành tiền
1	Vũ Văn Minh	Chủ tịch HĐQT	15.000.000
2	Bùi Minh Tuấn	TV HĐQT	15.000.000
3	Vũ Chinh	TV HĐQT	15.000.000
4	Hoàng Minh Dũng	TV HĐQT	15.000.000
5	Nguyễn Kim Hậu	Trưởng ban Kiểm soát	15.000.000
6	Trương Thị Thanh Thủy	TV BKS	10.000.000
7	Lê Minh Tuấn	TV BKS	10.000.000
8	Lưu Tiến Cảo	TV HĐQT kiêm TGD	15.000.000
9	Hoàng Hữu Phước	Phó TGD	10.000.000
10	Lê Vĩnh San San	KTT	10.000.000
11	K' Huệ	PT quản trị kiêm Thư ký HĐQT	8.000.000
TỔNG CỘNG			138.000.000

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.
Xin trân trọng cảm ơn.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch
(Ký tên và đóng dấu)
CÔNG TY
CỔ PHẦN
MERUFA
M.S.D.N: 030047859
Q. PHÚ NHUẬN, TP. HỒ CHÍ MINH

Ks. VŨ VĂN MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Số: CÔNG TY/BĐ-ĐHĐCD



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2023

DỰ THẢO

BIÊN BẢN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

I. Công ty cổ phần MERUFA:

- Địa chỉ trụ sở chính: 38 Trương Quốc Dung, P.8, Q. Phú Nhuận, TPHCM
Nhà xưởng, văn phòng: C64/II, đường số 8, KCN Vĩnh Lộc A, Bình Chánh, TPHCM
- Hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 0300478598 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 25 tháng 05 năm 2022.

II. Thời gian và địa điểm đại hội:

- Khai mạc lúc 8h30 ngày 22 tháng 04 năm 2023.
- Địa điểm: tại Văn phòng Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc (Hội Trường, lầu 5) Số A59/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

III. Thành phần tham dự đại hội gồm:

Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, các cổ đông và người được ủy quyền:

1. Ông Vũ Văn Minh – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Lưu Tiến Cáo – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc.
3. Ông Bùi Minh Tuấn – Thành viên HĐQT
4. Bà Nguyễn Huỳnh Thanh Thúy – Ông Hoàng Minh Dũng Thành viên HĐQT ủy quyền tham dự đại hội
5. Ông Vũ Chinh – Thành viên HĐQT
6. Bà Nguyễn Kim Hậu – Trưởng ban Kiểm soát
7. Bà Trương Thị Thanh Thúy – Thành viên Kiểm soát
8. Ông Lê Minh Tuấn – Thành viên ban Kiểm soát

Cùng toàn thể cổ đông có mặt tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023

Các nội dung diễn ra khi khai mạc đại hội:

1. Ks. Hoàng Hữu Phước Phó Tổng Giám đốc khai mạc và giới thiệu đại biểu tham dự Đại hội.
2. Cn. Vũ Ngọc Khang – Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) thường niên 2023, công bố kết quả kiểm tra tư cách đại biểu

✓ Tổng số cổ phần (CP) theo điều lệ Công ty:	3.675.404	CP
Trong đó: - Số CP quỹ:	3.800	CP
- Số CP có quyền biểu quyết:	3.671.604	CP
✓ Tổng số cổ đông và đại biểu tham dự Đại hội:	người
- Đại diện cho:	CP có quyền biểu quyết
- Đạt tỷ lệ:	%

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm tra tư cách Đại biểu ĐHĐCĐ thường niên 2023, tuyên bố đủ điều kiện tiến hành đại hội ĐHĐCĐ thường niên Công ty CP MERUFA năm 2023 (có Biên bản đính kèm).

Ghi chú:

Sau khi Đại hội khai mạc, có một số cổ đông đến muộn, tính đến thời điểm thông qua các báo cáo và biểu quyết, bầu cử lúc 10h00, tổng số cổ đông tham dự là người, đại diện cho CP có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ % (có Biên bản đính kèm).

3. Ông Vũ Văn Minh – Chủ tịch HĐQT, thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban Kiểm tra tư cách đại biểu, Ban Kiểm phiếu và Ban thư ký Đại hội, như sau:

3.1. Đoàn Chủ tịch:

- Ông Vũ Văn Minh – Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa Đại hội
- Ông Lưu Tiến Cáo – Thành viên HĐQT kiêm TGD.

3.2. Kiểm tra tư cách đại biểu - Ban Kiểm phiếu:

- Ông Vũ Ngọc Khang – Tổ trưởng.
- Ông Phạm Cao Thái – Thành Viên
- Bà Nguyễn Thị Phương – Thành Viên
- Bà Phan Thị Sương – Thành Viên

3.3. Ban Thư ký:

- Ông Phan Thanh Nở – Tổ trưởng.
- Bà K' Huệ – Thành viên.

Đại hội biểu quyết 100% tán thành thông qua Danh sách Đoàn chủ tịch, Ban Kiểm tra tư cách đại biểu - Ban Kiểm phiếu và Ban thư ký Đại hội.

4. Ông Vũ Văn Minh – Chủ tịch HĐQT, thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 (có văn bản đính kèm).

Vậy Đại hội biểu quyết nhất trí 100% thông qua Chương trình Đại hội.

5. Cn. Lưu Tiến Cáo - Thành viên HĐQT đọc Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 (có văn bản đính kèm)

Vậy Đại hội biểu quyết nhất trí 100% thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 .

NỘI DUNG ĐẠI HỘI

A. CÁC BÁO CÁO TẠI ĐẠI HỘI

1. Ông Vũ Văn Minh – Chủ tịch HĐQT: Đọc Báo cáo của Hội đồng Quản trị về đánh giá tình hình hoạt động công ty trong năm 2022, các kế hoạch và định hướng năm 2023 (đính kèm Báo cáo số 141/BC-HĐQT, ngày 28/03/2023 của HĐQT);
2. Ông Lưu Tiến Cáo – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Đọc Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022 và định hướng, kế hoạch sản xuất năm 2023, (đính kèm Báo cáo số 174/23/BC-MRF, ngày 13/03/2023);

3. Ông Lưu Tiến Cáo – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc: Đọc Báo cáo tài chính năm 2022 (báo cáo đã kiểm toán) (có Báo cáo đính kèm);
4. Bà Nguyễn Kim Hậu – Trưởng Ban Kiểm soát: Đọc Báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát. (đính kèm Báo cáo số 01/BC_BKS/MRF/2023 ngày 20/03/2023 của Ban Kiểm soát);
5. Ông Lưu Tiến Cáo – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Đọc Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 của HĐQT ;
6. Ông Lưu Tiến Cáo - Thành viên HĐQT đọc Báo cáo tiến độ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%), phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu (70%) và chuyển sàn giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX

B. THÔNG QUA BÁO CÁO VÀ CÁC TỜ TRÌNH

1. Ông Vũ Văn Minh – Chủ tịch HĐQT: Đọc tờ trình thông qua báo cáo của HĐQT, Ban TGD (đính kèm tờ trình số/TT-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2023)
2. Ông Lưu Tiến Cáo – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc: Đọc tờ trình thông qua Báo cáo tài chính 2022 đã kiểm toán (đính kèm tờ trình số/TT-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2023)
3. Ông Lưu Tiến Cáo – Thành viên HĐQT: Đọc tờ trình phân phối lợi nhuận chi trả cổ tức năm 2022 (đính kèm tờ trình số/TT-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2023)
4. Ông Bùi Minh Tuấn – Thành viên HĐQT: Đọc tờ trình thông qua chỉ tiêu Kế hoạch 2023 và phân phối lợi nhuận 2023 (đính kèm tờ trình số 81/TT-ĐHĐCĐ ngày 25/03/2023)
5. Bà Nguyễn Kim Hậu – Trưởng ban kiểm soát: Đọc tờ trình của Ban kiểm soát về Báo cáo năm 2022 và lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023 (đính kèm tờ trình số 02/BC_BKS/MRF/2023 ngày 22/03/2023 của Ban Kiểm soát)
6. Ông Lưu Tiến Cáo – Thành viên HĐQT: Tờ trình về phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu và chuyển sàn và Tiến độ phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu và chuyển sàn từ sàn Upcom sang sàn HNX (đính kèm tờ trình)
7. Ông Vũ Văn Minh – Chủ tịch HĐQT đọc tờ trình điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đính kèm tờ trình số/TT-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2023).
8. Ông Lưu Tiến Cáo – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc đọc Tờ trình thông qua giao dịch người nội bộ và người có liên quan
9. Ông Vũ Chinh – Thành viên HĐQT đọc tờ trình về qua Báo cáo chia thưởng của HĐQT, BKS năm 2022.

A. CÁC Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VÀ THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI

1. ...:

Ý kiến của Ông - Thành viên HĐQT:

2. ...

Ý kiến của Ông - Thành viên HĐQT: .

B. CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội biểu quyết thông qua các báo cáo tại Đại hội, bao gồm:

Sau khi Đại hội khai mạc, có một số cổ đông đến muộn, tính đến thời điểm thông qua các báo cáo và biểu quyết, bầu cử lúc 10h00, tổng số cổ đông tham dự là người, đại diện cho CP có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ 100,00 % (có Biên bản đính kèm).

Trong đó số phiếu thu về là..... phiếu đại diện choCP chiếm tỷ lệ trong đó:

- Số phiếu hợp lệ là phiếu đại diện cho.....CP chiếm tỷ lệ%;

- Số phiếu không hợp lệ là..... phiếu đại diện chocổ phiếu tỷ lệ %.

1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về đánh giá tình hình hoạt động công ty trong năm 2022, các kế hoạch và định hướng năm 2023 (trong đó Doanh thu là: 170 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 12,5 tỷ đồng) với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	CP, đạt tỷ lệ: %
- Tổng số phiếu không tán thành:	CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:		CP, đạt tỷ lệ: %
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022 và định hướng năm 2023 với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	CP, đạt tỷ lệ: %
- Tổng số phiếu không tán thành:	CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:		CP, đạt tỷ lệ: %
3. Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	CP, đạt tỷ lệ: %
- Tổng số phiếu không tán thành:	CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:		CP, đạt tỷ lệ: %
4. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	CP, đạt tỷ lệ: %
- Tổng số phiếu không tán thành:	CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:		CP, đạt tỷ lệ: %
5. Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	CP, đạt tỷ lệ: %
- Tổng số phiếu không tán thành:	CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:		CP, đạt tỷ lệ: %
6. Báo cáo tiến độ phát hành cổ phiếu thường, trả cổ tức bằng cổ phiếu và chuyển sản theo tờ trình số /TT-ĐHĐCĐ ngày với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	CP, đạt tỷ lệ: %
- Tổng số phiếu không tán thành:	CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:		CP, đạt tỷ lệ: %
7. Đại hội đồng Cổ đông thông qua các tờ trình báo cáo tại Đại hội của Hội đồng quản trị bao gồm:
 - 6.1 – Tờ trình thông qua báo cáo của HĐQT, Ban TGD với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	CP, đạt tỷ lệ: %
- Tổng số phiếu không tán thành:	CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:		CP, đạt tỷ lệ: %
 - 6.2 - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính 2022 đã kiểm toá với tỷ lệ như sau:

-	Tổng số phiếu tán thành:	CP, đạt tỷ lệ: %
-	Tổng số phiếu không tán thành:	CP, đạt tỷ lệ:	%
-	Tổng số phiếu không có ý kiến:	CP, đạt tỷ lệ: %

6.3 - Tờ trình phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022. ĐHĐCĐ thông qua cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Số tiền HĐQT đề xuất	Số tiền ĐHĐCĐ thông qua
I	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (1+2)	20,398,305,582	
1	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối lũy kế đến cuối năm 2021 (MS 421a – BCĐKT)	7,732,316,307	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2022 (MS 421b – BCĐKT)	12,665,989,275	
II	Phát hành cổ phiếu thưởng (70% x VCP) (Tổng số cổ phiếu thưởng tương đương số tiền: 25.701.220.000 đồng. Trích từ nguồn: (1) Quỹ đầu tư phát triển: 24.449.195.500 đồng; (2) Thặng dư vốn cổ phần: 1.252.024.500 đồng; (3) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 0 đồng)	-	
III	Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu (15% x VCP) [36.716.040.000 x 15%]	5,507,406,000	
IV	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu (I-II-III)	14,890,899,582	
V	Phân phối lợi nhuận (1+2)	13,695,173,925	
1	Chi cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt (30% x VCP) [36.716.040.000 x 30%]	11,014,812,000	
2	Trích lập các quỹ:	2,680,361,925	
2.1	Quỹ đầu tư phát triển (15% x LNST)	2,233,634,937	
2.2	Quỹ hỗ trợ kinh doanh (0% x LNST)	-	
2.3	Quỹ Hội đồng quản trị (3% x LNST)	446,726,987	
2.4	Quỹ Phúc lợi và Quỹ Khen thưởng (0% x LNST)	-	
VI	Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại cuối năm 2022 sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức (IV-V)	1,195,725,657	

Tỷ lệ biểu quyết thông qua như sau:

-	Tổng số phiếu tán thành:	CP, đạt tỷ lệ: %
-	Tổng số phiếu không tán thành:	CP, đạt tỷ lệ:	%
-	Tổng số phiếu không có ý kiến:	CP, đạt tỷ lệ:	%

6.4 - Tờ trình thông qua chỉ tiêu Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2023 (trong đó cổ tức là (20% x tính theo số vốn điều lệ tại báo cáo tài chính năm 2022) ĐHĐCĐ thông qua cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Số tiền HĐQT đề xuất	Số tiền ĐHĐCĐ thông qua
-----	----------	----------------------	-------------------------

I	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (1+2)	11,176,093,657	
1	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối lũy kế đến cuối năm 2022 (MS 421a – BCDKT)	1,195,725,657	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2023 (MS 421b – BCDKT)	9,980,368,000	
II	Phân phối lợi nhuận (1+2)	9,243,143,922	
1	Chi cổ tức năm 2022 (20% x tính theo số vốn điều lệ tại báo cáo tài chính năm 2022) [36.716.040.000 x 20%]	7,343,208,000	
2	Trích lập các quỹ:	1,899,935,922	
2.1	Quỹ đầu tư phát triển (10% x LNST)	1,117,609,366	
2.2	Quỹ hỗ trợ kinh doanh (2% x LNST)	223,521,873	
2.3	Quỹ Hội đồng quản trị (5% x LNST)	558,804,683	
2.4	Quỹ Phúc lợi và Quỹ Khen thưởng (0% x LNST)	-	
III	Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại cuối năm 2023 sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức (I-II)	1,932,949,736	

Tỷ lệ biểu quyết thông qua như sau:

- Tổng số phiếu tán thành: CP, đạt tỷ lệ: %
- Tổng số phiếu không tán thành: CP, đạt tỷ lệ: %
- Tổng số phiếu không có ý kiến: CP, đạt tỷ lệ: %

6.5 - Tờ trình của Ban kiểm soát về Báo cáo 2022 và lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023; Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị đánh giá lựa chọn đơn vị kiểm toán và chỉ đạo triển khai thực hiện:

- Tổng số phiếu tán thành: CP, đạt tỷ lệ: %
- Tổng số phiếu không tán thành: CP, đạt tỷ lệ: %
- Tổng số phiếu không có ý kiến: CP, đạt tỷ lệ: %

6.6 - Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%), phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn thặng dư và quỹ phát triển sản xuất của Chủ sở hữu (70%) và chuyển sân giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX với tỷ lệ như sau::

- Tổng số phiếu tán thành: CP, đạt tỷ lệ: %
- Tổng số phiếu không tán thành: CP, đạt tỷ lệ: %
- Tổng số phiếu không có ý kiến: CP, đạt tỷ lệ: %

6.7 - Tờ trình điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành: CP, đạt tỷ lệ: %
- Tổng số phiếu không tán thành: CP, đạt tỷ lệ: %
- Tổng số phiếu không có ý kiến: CP, đạt tỷ lệ: %

6.8 - Tờ trình thông qua giao dịch người nội bộ và người có liên quan với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành: CP, đạt tỷ lệ: %
- Tổng số phiếu không tán thành: CP, đạt tỷ lệ: %
- Tổng số phiếu không có ý kiến: CP, đạt tỷ lệ: %

6.9 - Tờ trình thông qua Báo cáo chia thưởng của HĐQT, BKS năm 2023 với tỷ lệ như sau:

- | | | | |
|----------------------------------|-------|----------------|---------|
| - Tổng số phiếu tán thành: | | CP, đạt tỷ lệ: | % |
| - Tổng số phiếu không tán thành: | | CP, đạt tỷ lệ: | % |
| - Tổng số phiếu không có ý kiến: | | CP, đạt tỷ lệ: | % |

THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI

1. Ông Phan Thanh Nỡ thay mặt Ban Thư ký đọc Biên bản đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua, như sau:

- | | | | |
|----------------------------------|-------|----------------|---------|
| - Tổng số phiếu tán thành: | | CP, đạt tỷ lệ: | % |
| - Tổng số phiếu không tán thành: | | CP, đạt tỷ lệ: | % |
| - Tổng số phiếu không có ý kiến: | | CP, đạt tỷ lệ: | % |

2. Ks. Hoàng Hữu Phước - PTGD, thay mặt Ban Tổ chức tuyên bố bế mạc kỳ họp Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2023. Đại hội kết thúc hồi 11h00 cùng ngày.

Nơi nhận:

- Các cổ đông
- Công bố thông tin theo quy định
- Các thành viên HĐQT
- Ban kiểm soát
- Tổng Giám đốc
- P.Tài vụ
- Lưu thư ký HĐQT
- Lưu Văn thư Cty

TM.BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN

TM.ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA

Ông Vũ Văn Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
Nhà máy C64/II đường số 8, KCN Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84.28) 3765 5031 – 3765 4160 Fax: (84.28) 3765 4161
Email: merufa@merufa.vn Web: <http://www.merufa.com.vn>;
ISO 13485:2016 và ISO 9001:2015



Số :/NQ-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 22 tháng 04 năm 2023

DỰ THẢO



NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019 số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần MERUFA;
- Căn cứ vào biên bản họp Số:/BB-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần MERUFA ngày 22/04/2023;

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần MERUFA được tổ chức tại văn phòng khu công nghiệp Vĩnh Lộc, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh vào ngày 22/04/2023 với cổ đông và người ủy quyền dự họp, đại diện cho cổ phần bằng % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, đã thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau đây:

Điều 1: Đại hội đồng Cổ đông thông qua các báo cáo tại Đại hội bao gồm:

- 1.1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Tổng Giám Đốc;
- 1.2. Báo cáo Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY;
- 1.3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023;
- 1.4. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023, trong đó Doanh thu là: 170 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 12,5 tỷ đồng);
- 1.5. Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022.
- 1.6. Báo cáo tiến độ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%), phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn thặng dư và quỹ phát triển sản xuất của Chủ sở hữu và chuyển sản giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX.

Điều 2: Đại hội đồng Cổ đông thông qua các tờ trình báo cáo tại Đại hội bao gồm:

- 2.1. Tờ trình thông qua các báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban TGD;
- 2.2. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính 2022 đã kiểm toán;
- 2.3. Tờ trình phân phối lợi nhuận 2022: chi trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 30% bằng tiền mặt, 15% bằng cổ phiếu.

STT	Nội dung	Số tiền HĐQT đề xuất	Số tiền ĐHĐCĐ thông qua
I	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (1+2)	20,398,305,582	
1	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối lũy kế đến cuối năm 2021 (MS 421a – BCĐKT)	7,732,316,307	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2022 (MS 421b – BCĐKT)	12,665,989,275	
II	Phát hành cổ phiếu thưởng (70% x VCP) <i>(Tổng số cổ phiếu thưởng tương đương số tiền: 25.701.220.000 đồng. Trích từ nguồn: (1) Quỹ đầu tư phát triển: 24.449.195.500 đồng; (2) Thặng dư vốn cổ phần: 1.252.024.500 đồng; (3) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 0 đồng)</i>	-	
III	Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu (15% x VCP) [36.716.040.000 x 15%]	5,507,406,000	
IV	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu (I-II-III)	14,890,899,582	
V	Phân phối lợi nhuận (1+2)	13,695,173,925	
1	Chi cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt (30% x VCP) [36.716.040.000 x 30%]	11,014,812,000	
2	Trích lập các quỹ:	2,680,361,925	
2.1	<i>Quỹ đầu tư phát triển (15% x LNST)</i>	2,233,634,937	
2.2	<i>Quỹ hỗ trợ kinh doanh (0% x LNST)</i>	-	
2.3	<i>Quỹ Hội đồng quản trị (3% x LNST)</i>	446,726,987	
2.4	<i>Quỹ Phúc lợi và Quỹ Khen thưởng (0% x LNST)</i>	-	
VI	Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại cuối năm 2022 sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức (IV-V)	1,195,725,657	

004786
CÔNG T
Ổ PHẢ
ERU
LÂN - TP.

2.4. Tờ trình thông qua chi tiêu Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2023 (trong đó cổ tức (20% x tính theo số vốn điều lệ tại báo cáo tài chính năm 2022);

STT	Nội dung	Số tiền HĐQT đề xuất	Số tiền ĐHĐCĐ thông qua
I	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (1+2)	11,176,093,657	
1	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối lũy kế đến cuối năm 2022 (MS 421a – BCĐKT)	1,195,725,657	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2023 (MS 421b – BCĐKT)	9,980,368,000	
II	Phân phối lợi nhuận (1+2)	9,243,143,922	
1	Chi cổ tức năm 2022 (20% x tính theo số vốn điều lệ tại báo cáo tài chính năm 2022) [36.716.040.000 x 20%]	7,343,208,000	
2	Trích lập các quỹ:	1,899,935,922	
2.1	<i>Quỹ đầu tư phát triển (10% x LNST)</i>	1,117,609,366	
2.2	<i>Quỹ hỗ trợ kinh doanh (2% x LNST)</i>	223,521,873	
2.3	<i>Quỹ Hội đồng quản trị (5% x LNST)</i>	558,804,683	

2.4	Quỹ Phúc lợi và Quỹ Khen thưởng (0% x LNST)	.	-
III	Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại cuối năm 2023 sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức (I-II)	1,932,949,736	

2.5. Tờ trình thông qua báo cáo của Ban kiểm soát năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023;
 2.6. Thông qua tờ trình của Ban kiểm soát về việc “lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023”, Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị đánh giá lựa chọn đơn vị kiểm toán và chỉ đạo triển khai thực hiện.

Điều 3: Thông qua Tờ trình số/TT-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2023 về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%) và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu (70%).

Điều 4: Thông qua tờ trình số/TT-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2023 chuyển sàn giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX. Đại hội ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tổ chức thực hiện, quyết định thời điểm hoàn thành thủ tục liên quan đến việc chuyển giao dịch cổ phiếu MRF từ UPCOM lên HNX.

Điều 5: Thông qua tờ trình điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong đó:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Vốn điều lệ	Vốn thực góp	Chênh lệch	Ghi chú
A	B	1	2	3 = 1-2	4
1	Số vốn điều lệ trên giấy ĐKKD lần 7	36.867.230.000	36.754.040.000	113.190.000	
2	Số vốn điều lệ xin Đại hội điều chỉnh:	36.754.040.000	36.754.040.000	0	
ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua		36.754.040.000	36.754.040.000		

Điều 6: Thông qua tờ trình thông qua giao dịch người nội bộ và người có liên quan

Điều 7: Tờ trình thông qua Báo cáo chia thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị năm 2022.

Điều 8: Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 một cách triệt để và hiệu quả theo đúng Pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần MERUFA.

Quyết nghị này đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và hiệu lực kể từ ngày ký./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GD&ĐT TPHCM, CBTT
- Các thành viên HĐQT.
- Ban Kiểm soát.
- Ban TGD.
- Lưu thư ký HĐQT.